BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

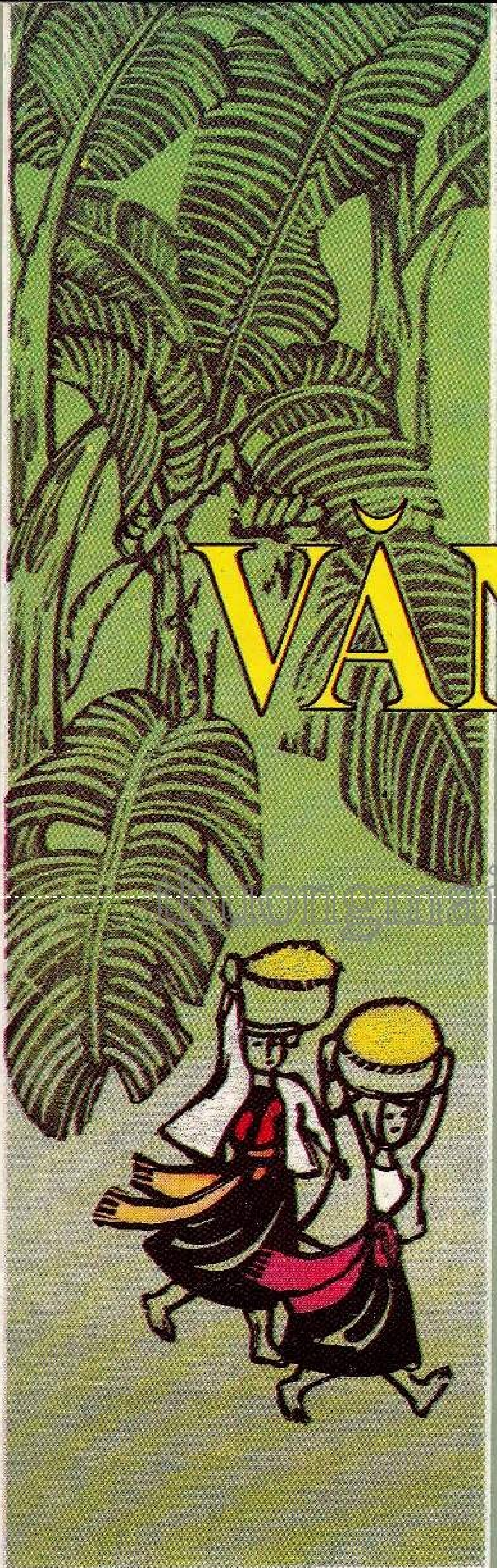

VĂN HỌC

thuongmaitruongxua.vn

7

TẬP MỘT

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY
Biên tập :
KIM ANH
Biên tập mĩ thuật :
TRẦN TIỂU LÂM
Trình bày bìa :
MINH HIỀN
Minh họa :
- TRANH DÂN GIAN
- ĐINH LỰC - TRIỆU KHẮC LỄ
Sửa bản in :
NHƯ HÀ
Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN - (NXB GIÁO DỤC)

8(075) / GD - 00 831/101 - 99 Mã số : 2H726T0

thuongmaitr

PHẦN MỘT

VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Bài 1

TRUYỆN CƯỜI

TIỂU DẪN

Truyện cười là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống, trong hành vi[1] của người đời.

Trong truyện cười, những hiện tượng đáng cười luôn luôn tự phơi bày ra dưới dạng tức cười, khiến người nghe (hoặc người đọc) bật cười.

truongxua.vn

Cái đáng cười, xét chung, là cái trái tự nhiên, cái không hợp với lẽ thường... Nó có thể nẩy sinh từ những sự hiểu lầm, sự lầm lỡ, hớ hênh thường tình, hoặc do những nhược điểm thông thường, những khiếm khuyết ai cũng có thể có... Cái cười do những điều này gây ra thường thiên về ý nghĩa mua vui. Nhưng nếu cái đáng cười gắn với những thói xấu (như ăn tục, nói khoác, khoe khoang, sĩ diện, lười biếng, học đòi, nịnh hót, keo kiệt, v. v...) thì cái cười do nó gây ra, ngoài ý nghĩa mua vui *còn có (và thiên về) ý nghĩa phê phán.*

MẤT RỒI !
(CHÁY !)

Một người sắp đi chơi xa, dặn con :

– Ở nhà, có ai hỏi, thì bảo bố đi chơi vắng nhé !

Sợ con mải chơi quên mất, ông ta lại cẩn thận lấy bút viết vào giấy, rồi bảo :

– Có ai hỏi, thì con cứ đưa cái giấy này.

Con cầm giấy bỏ vào túi áo. Cả ngày, chẳng thấy ai hỏi. Tối đến, sẵn có ngọn đèn, nó lấy giấy ra xem, chẳng may vô ý để giấy cháy mất.

Hôm sau, có người đến chơi, hỏi :

– Thầy cháu có nhà không ?

Nó ngẩn ra, rồi sực nhớ, sờ vào túi. Không thấy giấy, liền nói :

– Mất rồi !

Khách giật mình, hỏi :

– Mất bao giờ ?

– Tối hôm qua !

– Sao mà mất ?

– Cháy !

Truyện cười dân gian Việt Nam

(NXB Văn học, Hà Nội - 1964)

Chú giải

(1) *Hành vi* : việc làm, cách cư xử.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Khi ông khách hỏi : "Thầy cháu có nhà không ?", ông ta nghĩ đến ai ? Còn chú bé, chú nghĩ đến cái gì ?

2. Trong câu chuyện giữa ông khách và chú bé, hai người nghĩ về hai điều khác nhau, nhưng nghĩa của lời hỏi và lời đáp thì có vẻ hoàn toàn khớp với nhau. Em hãy chỉ rõ điều này (bằng cách đối chiếu nghĩa của từng cặp câu hỏi - đáp và cả đoạn đối thoại).

3. Nhưng chúng ta thì biết ngay là ở đây có một sự "trục trặc", một sự hiểu lầm. Nhờ đâu mà biết ?

Đến đây, em có thể giải thích *vì sao em cười* được không ? (Câu hỏi này có thể đem ra thảo luận).

TREO BIỂN

Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng :

"Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI"

ruongxua.vn

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo :

– Nhà này xưa quen bán cá ươn[1] hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi" ?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.

Hôm sau, có người khách đến hỏi cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo :

– Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là "Ở đây" ?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ "Ở đây" đi.

Cách vài hôm, lại có một người khách đến mua cá xong, cũng nhìn lên biển, cười bảo :

– Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là "có bán" ?

Nhà hàng nghe nói, thấy cũng có lí, liền bỏ ngay hai chữ "có bán" đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ "cá" ; trong bụng đã chắc từ giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.

Vài hôm sau nữa, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói :

– Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần thấy đầy những cá, ai chẳng biết mà đề biển làm gì nữa ?

Thế là nhà hàng cất cái biển đi nốt !

Truyện cười dân gian Việt Nam
(Sđd)

Chú giải

(1) *Cá ươn* : cá không còn tươi, đã có mùi hôi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Có mấy người "góp ý" về cái biển của nhà hàng cá ? Em thấy từng ý góp thế nào ? Em bật cười ở những chỗ nào ? Em có thể giải thích tại sao em cười không ? Em cười cái gì ?

2. Nếu em có cửa hàng cá, sau khi nghe câu chuyện này, em sẽ làm cái biển như thế nào hoặc sẽ "tiếp thụ" những góp ý ấy như thế nào ?

thuongmaitr

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi[1] chạy đến hỏi to :

– Bác có thấy con *lợn cưới* của tôi chạy qua đây không ?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo :

– Từ lúc tôi mặc cái *áo mới* này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả !

Truyện cười dân gian Việt Nam
(Sđd)

Chú giải

(1) *Tất tưởi* : ở đây có nghĩa là vội vã, dáng bộ hớt hải.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hiểu thế nào là tính khoe của ? Cho ví dụ.

2. Anh đi tìm lợn, hỏi người ta xem có thấy con lợn chạy qua không, lẽ ra phải hỏi như thế nào ? Tính từ "cưới" (*Lợn cưới*) có phải là tính từ thích hợp để chỉ con lợn bị sổng, là thông tin cần cho người được hỏi không ?

3. Anh được hỏi, lẽ ra phải trả lời thế nào ? Em hãy phân tích thông tin *thừa* trong câu trả lời của anh ta.

4. Nhưng em có nhận thấy chính những thông tin thừa trong lời hỏi, lời đáp của hai anh này, thực ra, lại là điều họ muốn thông báo không ? (Nếu em nhận ra điều này tức là em đã hiểu vì sao mình cười).

Em hãy liên hệ với câu hỏi 1 và rút ra nhận xét.

THÀ CHẾT CÒN HƠN

ruongxua.vn

Có anh keo kiệt, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, chỉ khư khư[1] tích của làm giàu.

Một hôm, có người bạn rủ ra tỉnh chơi. Trước, anh ta còn từ chối, sau người bạn nài[2] mãi, anh ta mới vào buồng lấy ba quan tiền[3] giắt lưng, rồi cùng đi.

Khi đến tỉnh, trông thấy cái gì anh ta cũng muốn mua, nhưng sợ mất tiền, lại thôi. Giời nắng quá, muốn vào hàng uống nước, lại sợ phải thết bạn, không dám vào.

Đến chiều trở về, hai anh qua đò đi đến giữa sông, anh keo kiệt khát nước quá, mới cúi xuống uống nước, chẳng may lộn cổ xuống sông.

Anh bạn trên thuyền kêu :

– Ai cứu xin thưởng năm quan !

Anh keo kiệt ở giữa dòng sông, nghe tiếng, cố ngoi đầu lên, nói :

– Năm quan đắt quá !

Anh bạn chữa lại :

– Ba quan vậy !

Anh hà tiện ngoi đầu lên lần nữa :

– Ba quan vẫn đắt, thà chết còn hơn !

Truyện cười dân gian Việt Nam
(Sđd)

Chú giải

(1) *Khư khư* (thường nói : giữ khư khư) : giữ chặt ; cũng như nói : bo bo - chỉ lối giữ của chằng chằng của kẻ bủn xỉn, hà tiện.

(2) *Nài* : xin bằng được.

(3) *Quan tiền* : xưa, ta tiêu tiền đồng, tiền kẽm. Một *quan* gồm 10 *tiền*, một *tiền* gồm 10 *đồng* (tiền đồng). Một đồng tiền đồng bằng 6 đồng tiền kẽm. Quan tiền thường xâu 100 đồng tiền đồng hoặc 600 đồng tiền kẽm. Ở đây, cần nhớ là anh hà tiện, khi ngã xuống sông, vẫn còn nguyên *3 quan tiền* giắt lưng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

thuongmaitr

1. Câu đầu giới thiệu anh hà tiện. Đoạn sau nói rõ thêm về tính hà tiện của anh ta ; từ đó, dẫn đến tình huống anh ta ngã lộn cổ xuống sông. Đến đoạn kết, tính hà tiện đó mới bộc lộ dưới dạng buồn cười. Em có thể giải thích vì sao nghe đến chỗ mặc cả "năm quan, ba quan" em bật cười không ? (Câu hỏi này có thể đem ra thảo luận).

2. Từ mẩu chuyện này, em có thể đưa ra một "định nghĩa" về người hà tiện không ? (chú ý chi tiết "thà chết còn hơn").

Bài 2

TỤC NGỮ

TIỂU DẪN

Tục ngữ là những câu chắc gọn, xuôi tai, diễn đạt những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên và lao động sản xuất, về con người và xã hội.

Suy nghĩ bằng tục ngữ là lối suy nghĩ theo trí khôn kinh nghiệm của nhân dân. Khi vận dụng kinh nghiệm, kể cả kinh nghiệm được đúc kết trong tục ngữ, bao giờ cũng phải tính đến hoàn cảnh và điều kiện cụ thể.

I. TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng :

   Ngày tháng mười chưa cười đã tối

2. Trăng quầng(1) trời hạn, trăng tán(2) trời mưa.

truongxua.vn

Tăng gia (Tranh dân gian)

3. Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen[3].
4. Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ.
5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng[4].
6. Tấc đất, tấc vàng.
7. Con trâu là đầu cơ nghiệp[5].
8. Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.
9. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.
10. Tua rua thì mặc tua rua
Mạ già ruộng ngấu không thua bạn điền[6].

Chú giải

(1), (2) *Quầng* : vầng sáng bao quanh mặt trời hay mặt trăng ; *tán* : vòng sáng bao quanh mặt trăng ; *tán* (vòng sáng) tách bạch rõ nét với mặt trăng hơn *quầng* (vầng sáng). *Trăng quầng, trăng tán* : trăng có quầng, trăng có tán.

(3) Ý câu tục ngữ : khoai ưa đất lạ (đất trước đó chưa trồng khoai) ; mạ ưa đất quen (đất chuyên gieo mạ).

(4) Ý câu tục ngữ nói : nuôi lợn, lao động không khẩn trương ; nuôi tằm, lao động khẩn trương. Câu tục ngữ này, có sách ghi là *Làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng* ; đại ý cũng tương tự : làm ruộng nhàn hơn nuôi tằm. Cần chú ý rằng câu tục ngữ trên chủ ý muốn *nhấn mạnh* tính chất vất vả, khẩn trương của nghề nuôi tằm, chứ không có ý nói nghề nông và việc nuôi lợn là nhàn hạ.

(5) *Cơ nghiệp* : chỉ toàn bộ tài sản tích lũy được của một người, một gia đình.

(6) *Tua rua* : chòm sao xuất hiện từ tháng tư (âm lịch) ; tháng sáu, tối đến, thấy chòm sao này mọc ở đằng đông, vào tầm cao đại khái bằng mặt người ; tháng bảy thì chòm sao này ở giữa trời. Còn gọi là *sao rua*. Trong câu tục ngữ này, *tua rua* chỉ thời vụ, ý nói : cấy chậm, đã lỡ thời vụ cấy mùa (theo kĩ thuật nông nghiệp cổ truyền). *Ruộng ngấu* : ruộng cày rồi, tháo nước vào, ngâm cho đất ngấu (tức là "chín"), nhà nông gọi là *làm dầm* (dầm ngấu). *Mạ già – ruộng ngấu ý* nói tuy đã lỡ "thì" nhưng lại được "thục" : mạ già gặp ruộng ngấu sẽ sớm bén rễ, bốc nhanh. *Bạn điền* : những người làm ruộng khác, cùng xứ đồng (người ta còn gọi là láng giềng đồng).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy lần lượt giải thích *nghĩa từng câu tục ngữ*. Nội dung giải thích gồm những phần chính như sau :

- *Nghĩa* của câu tục ngữ (Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất thường không có nghĩa bóng).

thuongmaitr

- *Cơ sở khoa học* của kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ (nếu có thể giải thích, chứng minh được).

- Một số trường hợp có thể *ứng dụng* kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ (Ví dụ, có thể ứng dụng câu 1 vào việc sử dụng thời gian trong mùa hè, mùa đông như thế nào ? v.v...).

2. Kinh nghiệm trong tục ngữ thường bao hàm *tư tưởng*. Sau khi giải thích câu tục ngữ theo nội dung trên, em hãy *phân tích tư tưởng của câu tục ngữ* (nếu câu tục ngữ có tư tưởng). Ví dụ : Tư tưởng câu tục ngữ *Tấc đất, tấc vàng* là cách nhìn của người lao động (cụ thể là người làm ruộng) đối với đất : đó là thái độ quý đất của những người sống nhờ đất và biết làm cho đất nuôi sống con người bằng chính sức lao động của mình.

3. Hãy nêu một vài nhận xét về *cách diễn đạt* của tục ngữ (chủ yếu là chứng minh) :

- Câu chắc gọn ;
- Thường có vần, nhất là vần lưng ;
- Thường có nhiều vế, nhất là 2 vế đối nhau ;
- Những khái niệm chính trong câu thường được biểu đạt bằng hình ảnh...

Về mặt ngôn ngữ, em thấy có thể học ở tục ngữ những bài học gì ?

ruongxua.vn

II. TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

TỤC NGỮ VỀ QUAN HỆ GIA ĐÌNH, THẦY TRÒ, BÈ BẠN

1. Chị ngã, em nâng.
2. Anh em như thể chân tay.
3. Con có cha như nhà có nóc.
4. Con hơn cha là nhà có phúc.
5. Bà con vì tổ vì tiên,(1) không ai bà con vì tiền vì gạo.
6. Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn
7. Học thầy không tày(2) học bạn.
8. Không thầy đố mày làm nên.

Chú giải

(1) *Tổ tiên* : tổ là ông (người sinh ra cha)... *Tổ tiên* là ông bà và các thế hệ đời trước (của một dòng họ, một tộc người, ...).

(2) *Tày* : bằng ; không tày : không bằng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy lần lượt *giải thích nghĩa từng câu tục ngữ*. Nội dung giải thích, cũng như với những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất, gồm các mặt :

- *nghĩa* của câu tục ngữ (chú ý : khác với tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất, *tục ngữ về con người và xã hội thường có nghĩa bóng*) ;

- *cơ sở khoa học* của kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ (chú ý : giải thích, chứng minh cơ sở khoa học của những kinh nghiệm về con người và xã hội là một việc khó, không bắt buộc HS phải thực hiện yêu cầu này) ;

- nêu một số trường hợp có thể *ứng dụng* câu tục ngữ (theo nghĩa đen hoặc theo nghĩa bóng, tùy trường hợp cụ thể - yêu cầu này chỉ cần thực hiện với 1-2 câu "làm mẫu").

2. Hãy so sánh những cặp câu tục ngữ :

- *Con có cha như nhà có nóc.*
- *Con hơn cha là nhà có phúc.*
- *Học thầy không tày học bạn.*
- *Không thầy đố mày làm nên.*

và trả lời câu hỏi : những nhận xét, những điều khuyên răn của những câu trong mỗi cặp là *mâu thuẫn* với nhau hay *bổ sung* cho nhau ? Em có thể nêu một vài cặp câu tục ngữ tương tự được không ? (Câu hỏi trên có thể đem thảo luận).

3. Hãy chứng minh thêm một vài đặc điểm về cách diễn đạt của tục ngữ :

- Diễn đạt bằng so sánh (*Anh em* như thể *chân tay*, v.v...)

- Lối nói quá lên (thậm xưng) để nhấn mạnh ý muốn nói (Thuận vợ thuận chồng *tát biển Đông cũng cạn*, v.v...)

Bổ sung những bài học về cách dùng từ ngữ, cách diễn đạt, v.v... có thể rút ra từ tục ngữ.

TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI – KINH NGHIỆM ỨNG XỬ

1. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn(1).
2. Chưa học bò, chớ lo học chạy(2).
3. Đói cho sạch, rách cho thơm(3).

thuongmaitr

4. Đời người có một gang tay,
   Ai hay ngủ ngày, còn được nửa gang[4].

5. Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
   Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau[5].

6. Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ[6].

7. Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng[7].

8. Một mặt người bằng mười mặt của[8].

Chú giải

(1) *Sàng* : đồ đan bằng tre, lòng (mặt sàng) có lỗ vừa hạt gạo chui qua, mà thóc không qua được ; dùng để phân biệt gạo với thóc. Ở đây nói *một sàng khôn* là để diễn tả ý : học hỏi được *nhiều* điều hay *cụ thể, thiết thực*. Cũng là để... bắt vần !

(2) Câu này ý nói : học, phải đi từ thấp đến cao, từ dễ đến khó,... ; không thể "học tắt".

(3) Chú ý cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của *sạch* và *thơm*. Nghĩa bóng chung của cả câu là : đừng vì nghèo túng mà làm điều xấu xa, tội lỗi.

(4) Chú ý cả nghĩa đen và nghĩa bóng của ngủ ngày. (Theo nếp sinh hoạt của nhân dân ta, người ngủ ngày bị coi là kẻ lười nhác).

(5) *Đá đáp* : *Đá* : dùng chân mà đánh, đạp, tống ra ; chọi (đá gà, đá cá... còn gọi là chọi gà, chọi cá, ...). *Đáp* : bay xuống mà bắt (diều đáp : diều sà xuống bắt gà) ; hiếp đáp. *Đá đáp* : chống chọi, đối phó, hiếp đáp.

(6) Câu này nói về lòng kiên nhẫn, về hiệu quả lớn của những tích cóp nhỏ, bền bỉ.

(7) *Dã* : giải, làm cho bớt ; *dã tật* : làm cho bớt bệnh, giải bệnh. *Sự thật* ở đây ý nói là lời nói thẳng, lời ngay.

(8) *Mặt người, mặt của* : từ *mặt* ở đây được dùng để chỉ đơn vị. Câu này nói : người quý hơn của.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy giải thích :

- ý nghĩa của từng câu tục ngữ trên (chú ý nghĩa bóng)
- một số trường hợp, hoàn cảnh có thể sử dụng từng câu.

2. Phân tích câu số 7 :

- Giải thích các so sánh
  + thuốc đắng/sự thật
  + thuốc đắng dã tật/sự thật mất lòng
- Đánh giá kinh nghiệm nêu trong câu này. (Nói thẳng, nói thật, nói sự thật có quan hệ đến người nào đó hay làm cho người ta giận, nhưng kinh nghiệm này có bao hàm ý khuyên ta không nên nói sự thật không ?)

3. Tiếp tục nêu những nhận xét về đặc điểm hình thức, về cách diễn đạt của tục ngữ.

Bài 3

VÈ

TIỂU DẪN

Vè là những sáng tác thơ ca dân gian kể chuyện : kể chuyện vừa xảy ra trong nước (vè lịch sử), trong làng (vè thế sự), kể chuyện về mình (vè than thân), kể chuyện về sự vật (vè chim, cá, hoa, quả, rau,...).

Có những *vè lịch sử* mang hình thức những truyện vè, có cốt truyện, có nhân vật, dài hàng trăm câu. *Vè thế sự* thường tường thuật và bình luận về những sự kiện có tính chất thời sự trong cộng đồng ; do đó thường được coi như một hình thức báo chí truyền miệng. *Vè than thân* có nội dung tâm tình, gần với ca dao. Còn những bài *vè kể chuyện về sự vật* được trẻ em rất yêu thích.

VÈ CON DAO

Nhà anh bất phú bất bần[1]
Có con dao đoản[2] hộ thân tháng ngày.
Con dao anh rày
Dài vừa năm tấc.
Khi mài đã sắc.
Phá lở rú rừng hoang
Cũng biện[3] đủ cỗ cho làng,
Cũng no ngày đủ tháng.

Đèn có khêu mới rạng,
Ngọc bất trác, bất thành[4]
Gẫm như con dao anh,
Nội[5] trần gian không ai có,
Nội dưới trời không ai có...

Con dao tung hoành một trận,
Cũng đủ ngày tháng ngao du,
Cũng nỏ[6] thiếu chi thuốc, trù[7],
Nước chè xanh thơm ngát,
Nước chè tàu thơm ngát.

ruongxua.vn

Con dao anh quay một lát,
Bằng rựa phát tối ngày[8]
Than hai bồ đã đầy,
Còn trong lò đang ứa[9].

Kẻ đeo rìu, đeo rựa,
Thua dao anh liền liền
Than anh bán năm tiền
Than rựa rìu bán bốn rưỡi[10]

Đám ma cho đến đám cưới
Đến cả đám lợp nhà
Cũng mượn con dao ta
Chẳng sót nhà nào mà kể

Không cho thì ra tệ
Nói : cái bụng hẹp hòi[11]
Cầm lấy con dao rồi
Chỉ gật đầu, gật cổ

thuongmaitr

Khen con dao chưa từng chộ[12].
Hỏi : con dao anh rèn
Độ bao nhiêu tiền ?
– Con dao tôi rèn
Gia Long trị vì khai sáng[13]
Sắt tây năm lạng
Bạc mười nén tiền công.
Con dao tôi sắc vô cùng,
Đánh trăm cây cũng ngã,
Chặt ngàn cành cũng ngã.

Cho nên thiên hạ
Đều rèn theo kiểu dao này.
Trước dùng việc hằng ngày,
Sau vệ quốc, bình Tây[14],
Chặt quân thù như chém chuối.

Theo *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*
(Vũ Ngọc Phan)

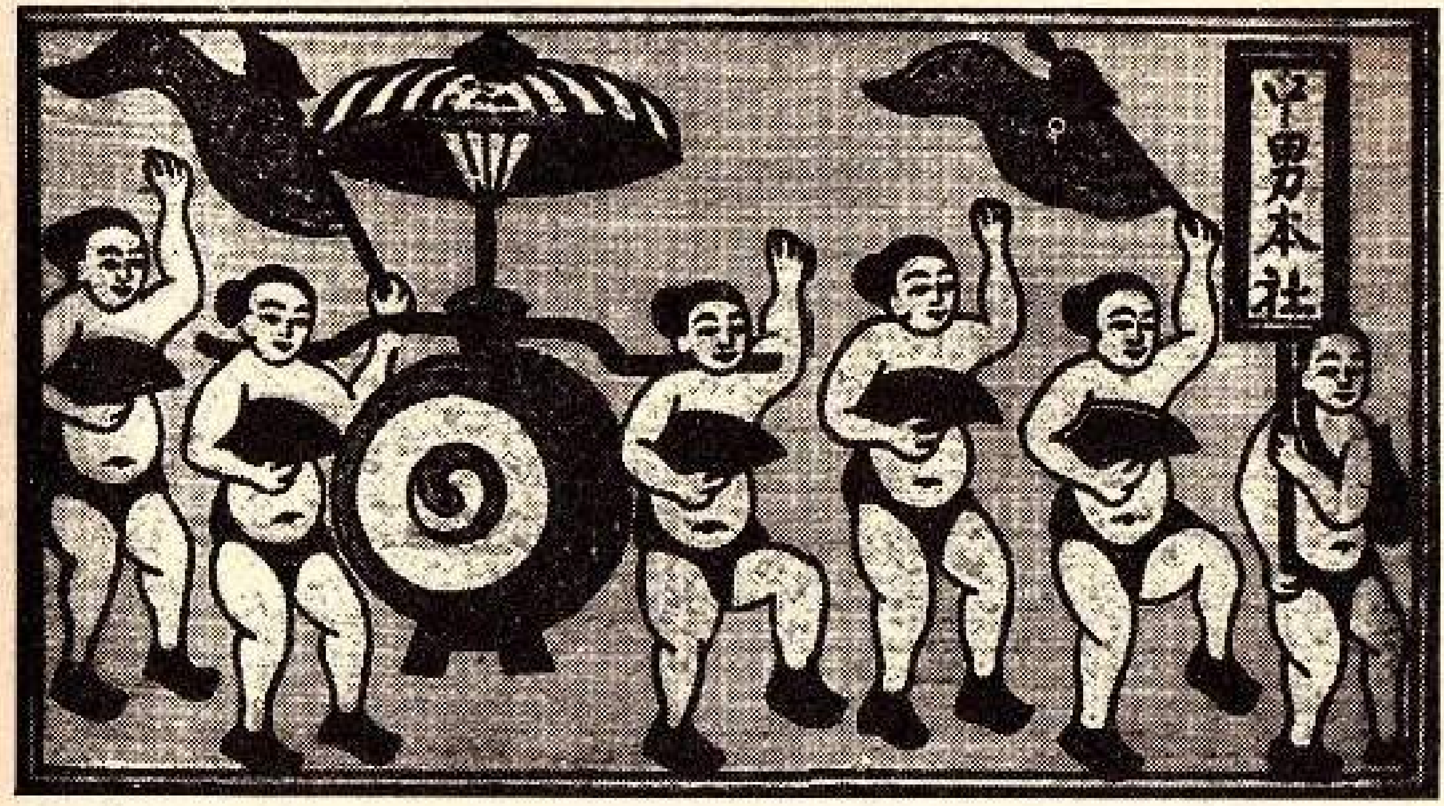

Rước trống (Tranh dân gian)

Chú giải

(1) *Bất phú bất bần* : không giàu không nghèo.

(2) *Dao đoản* : dao ngắn.

truongxua.vn

(3) *Biện* : sắm sửa.

(4) *Ngọc bất trác, bất thành* : (cả câu : Ngọc bất trác, bất thành khí) ngọc không được mài giũa thì không thành vật gì dùng được cả.

(5) *Nội* : trong phạm vi.

(6) *Nỏ* : không (từ địa phương).

(7) *Trù* (từ địa phương) : trầu (dùng để ăn với cau, vỏ, vôi).

(8) *Rựa phát tối ngày* : con dao rựa, dao to, chặt từ sáng đến tối.

(9) *Ưa* : nhiều lắm.

(10) *Than rựa rìu bán bốn rưỡi* : ý nói loại than được đốt bằng thứ củi xấu do các thứ dao rựa, rìu kém chặt về; vì dao búa kém, không chặt được củi tốt, nên khi đốt thành than, than bị kém phẩm chất, bán được ít tiền.

(11) *Không cho thì ra tệ* : không cho mượn thì hóa ra là hẹp hòi, xấu bụng.

(12) *Chộ* (từ địa phương) : thấy.

(13) *Gia Long trị vì khai sáng* : năm vua Gia Long mới lên ngôi, tức là năm 1802. Ở đây ý nói là con dao đã có từ lâu đời, khi nước nhà còn độc lập.

(14) *Vệ quốc bình Tây* : giữ gìn đất nước, dẹp bọn giặc Pháp sang xâm lược nước ta.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Người chủ con dao nêu những đặc điểm gì về con dao của mình ? Khi nói tới con dao, anh đã bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nó ?

2. Cách giới thiệu con dao của tác giả dân gian rất khéo. Thử tìm xem tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì ? Có những đoạn hình như không trực tiếp nói về con dao, nhưng lại rất thú vị, tại sao ?

3. Ý sâu xa của bài vè này là gì ? Có phải chỉ nhằm ca ngợi con dao không ? (chú ý khổ cuối bài vè)

VÈ RAU

Nghe vẻ vè ve
Nghe vè các rau :
Thứ ở hỗn hào,
Là rau ngành ngạnh(1) ;
Trong lòng không chánh,(2)
Vốn thiệt tâm lang(3) ;
Đất rộng bò ngang,
Là rau muống biển ;
Quan đòi, thầy kiện,
Bình bát(4) nấu canh ;
Ăn hơi tanh tanh,
Là rau dấp cá(5) ;
Có ba không má,
Rau má mọc bờ(6) ;
Thò tay sợ dơ(7),
Nó là rau nhớt ;
Ăn cay như ớt,
Vốn thiệt rau răm ;
Sống trước ngàn năm,
Là rau vạn thọ(8) ;
Tánh hay sợ vợ,
Vốn thiệt rau co(9) ;
Làng hiếp chẳng cho
Thiệt là rau húng(10)
Lên chùa mà cúng,

thuongmaitr

Vốn thiệt hành hương[11] ;
Giục ngựa buông cương,
Là rau mã đề[12] ;
. . . .

Theo Bảo Định Giang

Chú giải

(1) *Ngành ngạnh* : ngạnh là cái gai, cái mũi nhọn xước ra như cái cựa gà : *ngang ngạnh* hay *ngoan ngạnh* là không chịu theo ý khác, cứ ý mình mà làm (dân ngoan ngạnh là dân khó trị). *Cây lành ngạnh* : thứ cây tạp, có gai nhỏ đâm ra tứ phía. Chưa biết có *rau ngành ngạnh* hay không. Ở đây có sự chơi chữ (ngạnh- hỗn hào).

(2), (3) *Chánh* (chính) : ngay thẳng. *Lang* : chó sói ; *tâm lang* : ý nói lòng lang, dạ sói (hiểm ác).

Ở đây chơi chữ *lang* (trong rau lang) : lòng không chính.

(4) *Bình bát* : một thứ dây hay leo rào, lá lớn mà trơn, có thể dùng nấu canh (khác *cây bình bát* là loại mãng cầu vỏ trơn). Ở đây có lẽ có sự chơi chữ *bình* và chữ *bát* ; *bình* có một nghĩa là xét định phải trái ; *bát* có một nghĩa là trừ dẹp đi ; do đó, từ chữ *bình bát* mà nghĩ đến quan đòi, thầy kiện.

(5) *Rau dấp cá* (hay diếp cá) : thứ rau lá tròn mà cay, mùi vị hơi tanh, có thể ăn như rau ghém (được coi là một vị thuốc).

(6) *Rau má* : thứ rau tròn lá, thường mọc ở vườn, bờ ruộng ; nước rau má dùng giải nhiệt ; rau, có thể luộc ăn chống đói. Ở đây chơi chữ *má* (tên rau gợi nghĩ đến má, đối với những ai "Có ba không má").

(7) *Dơ* : bẩn.

(8) *Vạn thọ* : sống vạn năm. Chỉ thấy có *hoa vạn thọ* : thứ hoa sắc vàng, mùi hăng hắc, có thể dùng làm cảnh, làm hoa cúng (có nơi gọi là cúc vạn thọ) ; *quả vạn thọ* : trái thẩu (thuốc phiện) ; chưa biết có *rau vạn thọ* hay không.

(9) *Rau co* : một loại cây dương xỉ (cây đuôi chồn) có thể ăn được. Chơi chữ *co* : co lại, uốn cong (liên tưởng đến "Tánh hay sợ vợ" !)

(10) *Rau húng* : thứ rau dùng làm gia vị (rau thơm). Chơi chữ *húng* trong *húng hiếp*, có nghĩa là hiếp đáp, ăn hiếp (quán ngữ : ăn húng ăn hiếp : bắt nạt).

(11) *Hành hương* : không phải cây hành cho củ và lá dùng làm gia vị (hành, tỏi) ; cũng không phải cây hành mọc dưới nước, có thể ăn được ; đây là thứ cây hành có mùi thơm (hành hương). Từ đó có sự liên tưởng trong câu : lên chùa mà cúng.

(12) *Rau mã đề* : thứ rau lớn lá, hình giống cái móng ngựa (mã đề), dùng làm vị thuốc mát. Chơi chữ *mã đề* (móng ngựa) : "Giục ngựa buông cương..."

ruongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài vè kể tên các loại rau : tên rau gợi nghĩ đến một nghĩa nào đó (ví dụ tên *rau má* gợi nghĩ đến từ má, có nghĩa là mẹ). Từ nghĩa đó mà gán cho rau, kết hợp với phép nhân hóa, thành một nét tính cách (ví dụ : Tánh hay sợ vợ, Vốn thiệt rau co, v.v...). Em thích nhất những trường hợp chơi chữ tên rau nào ?

2. Nhân đặt vè kể tên các loại rau, người dân gài vào đây thái độ phản kháng bọn thống trị ở xã thôn ngày trước. Em hãy chỉ ra trường hợp đó và bình đôi câu.

3. Em hãy tóm tắt ý nghĩa của *Vè rau* theo sự cảm nhận của em (em biết được gì, em học được gì, em thích điều gì, v.v...)

4. Các bài vè chim, cá, hoa, quả, rau,... thường giới thiệu các loại chim, cá, hoa, quả, rau... theo 2 cách :

- Kể tên và nêu 1-2 nét đặc điểm bên ngoài của mỗi loại (ví dụ : Chặt ra nhiều mủ là trái mít ướt ; Hình tựa gà xước vốn thiệt trái thơm ;...)

- Kể tên, kết hợp chơi chữ với nhân hóa, gán cho mỗi loại sự vật (rau, quả, hoa, ...) 1 nét tính cách nào đó (bài *Vè rau* vừa học)

(hoặc kết hợp xen kẽ 2 cách trên)

Em có thể dựa theo những cách trên, đặt ra mấy câu vè về hoa, trái của địa phương em được không ? (Câu hỏi này không bắt buộc.)

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

ĐỔI GIÀY

(Truyện cười)

Một anh đi nhầm giầy, chiếc cao chiếc thấp. Ra đường, thấy bước khó khăn, anh ta phàn nàn :

– Quái lạ ! Chân mình hôm nay sao lại bên dài, bên ngắn thế này ? Hay là đường cái khấp khểnh ?

Có kẻ qua đường nghe thấy, bảo :

– Không phải, ông đi nhầm giày, chiếc cao, chiếc thấp đấy !

Anh ta vội sai ngay đầy tớ về nhà đổi lấy đôi giầy kia.

Anh đầy tớ chạy về một lúc chạy ra, vừa thở vừa nói :

– Thưa ông, hai chiếc ở nhà cũng chiếc cao, chiếc thấp như thế thôi ạ !

Truyện cười dân gian Việt Nam

(Sđd)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Ông này, chân mang giầy, đi bước thấp bước cao, trừ nguyên nhân do say rượu, có 3 nguyên nhân có thể nghĩ đến :

- Đi nhầm giầy (chiếc cao, chiếc thấp) ;
- Chân ông tự nhiên bị bên dài, bên ngắn ;
- Đường cái (mọi ngày vẫn bằng phẳng) tự nhiên trở nên khấp khểnh, mấp mô.

Ông không nghĩ đến nguyên nhân đầu, mà nghĩ đến 2 nguyên nhân sau, khiến ta buồn cười. Vì sao ? Vì đó là những nguyên nhân quá đặc biệt, trái lẽ thường. Còn cái nguyên nhân đơn giản nhất thì ông ta không nghĩ đến !

2. Còn anh đầy tớ, mang đôi giầy chiếc thấp, chiếc cao về nhà để đổi, thấy hai chiếc ở nhà cũng chiếc thấp, chiếc cao như thế, bèn chạy ra "báo cáo" ông chủ – hành vi này khiến ta cũng buồn cười. Vì sao ? Em có thể giải thích được không ?

uongxua.vn

TRẢ LỜI VẮN TẮT

(Truyện cười)

Có một anh chàng vốn tính tham ăn, hễ ngồi vào mâm là chú mục[1] vào những món ngon, cắm đầu gắp, lo sao ăn cho được đầy bụng. Vì thế anh ta rất ngại nói chuyện trong bữa cơm.

Một lần, đi ăn cỗ ở nhà nọ, ngồi vào mâm là anh ta gắp lia gắp lịa. Có một ông khách lạ thấy anh ta ăn uống lỗ mãng[2] như thế, mới tìm cớ nói chuyện để hãm bớt anh ta lại. Ông ta hỏi :

– Chẳng hay ông người ở đâu ta ?

Anh ta đáp :

– Đây !

Rồi cắm cổ gắp.

– Thế ông được mấy cô cậu rồi ?

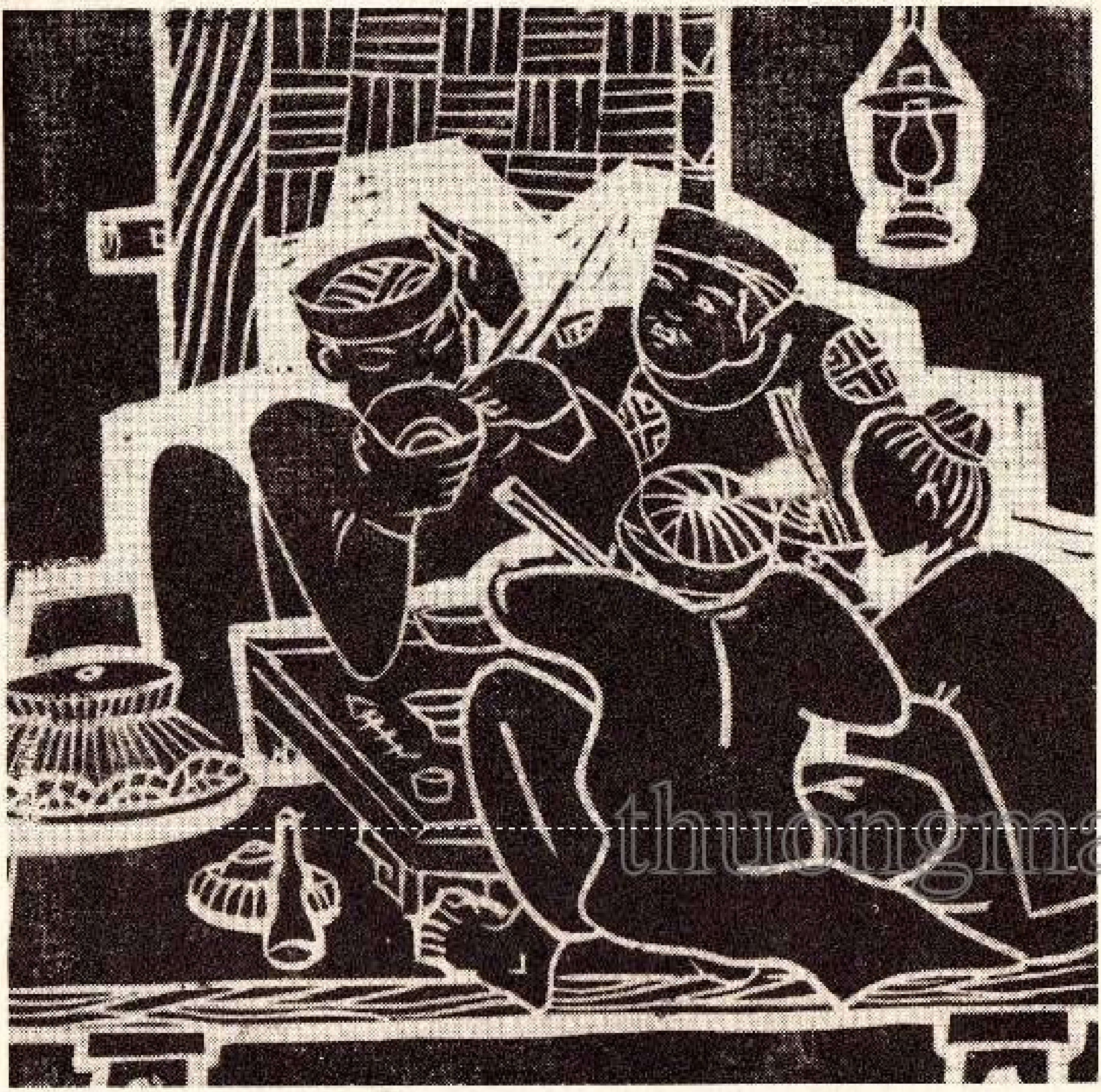

– Mỗi !

Lại cúi xuống gắp lia lịa.

Ông kia vẫn chưa chịu thua, hỏi tiếp :

– Các cụ thân sinh(3) chắc là còn cả chứ ?

Anh ta vẫn không ngẩng đầu lên, đáp :

– Tiệt !

Truyện cười dân gian Việt Nam

(Sđd)

Chú giải

(1) *Chú mục* : mắt nhìn tập trung vào (ai, cái gì).

(2) *Lỗ mãng* : thô tục, không biết lẽ dè dặt, cẩn thận, từ tốn (trong nói năng, ăn uống,...).

(3) *Thân sinh* : con của mình sinh ra gọi mình bằng thân sinh. Ở đây, ông khách hỏi về "các cụ thân sinh" của anh chàng đang ngại nói chuyện, là hỏi về cha mẹ anh ta.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hành vi của anh tham ăn, trước khi có vụ đối đáp với ông khách, chỉ mới khiến ta *chê cười* chứ chưa khiến ta *buồn cười*.

Về mặt thông tin thuần túy, những câu trả lời của anh này (đều là *câu đặc biệt*, gồm một từ) là rõ ràng, mọi người đều hiểu : 1) anh ta vốn là "người ở đây" ; 2) anh ta có một người con ; 3) cha mẹ anh ta đều đã mất. Thế nhưng tại sao chúng ta lại thấy buồn cười ? Là vì cách "trả lời vắn tắt" ấy thật ra, không phù hợp với cách giao tiếp thông thường *ở trường hợp ấy*. Ta chờ đợi một cách trả lời khác, không quá cộc lốc như vậy. Thế rồi cái "thao tác" "cắm cổ gắp", "gắp lia lịa" của anh ta, ăn nhịp với cách "trả lời vắn tắt" của anh ta, đã giúp ta hiểu ra hiện tượng, và ta cười.

2. Cái cười trong truyện cười này gợi suy nghĩ về vấn đề *văn hóa giao tiếp*. Em có thể phát biểu đôi điều về vấn đề này được không ?

uongxua.vn

TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Ráng mỡ gà có nhà thì giữ(1).

2. Mưa tháng ba hoa đất,
Mưa tháng tư hư đất(2).

3. Gió đông là chồng lúa chiêm,
Gió bấc là duyên lúa mùa(3).

4. Bơ bải không bằng phải thì(4).

5. Khô chân gân mặt đất tiền cũng mua(5).

6. Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông(6).

7. Hay lam hay làm đầu quang mặt sạch
Chẳng hay làm đầu rếch mặt dơ(7).

8. Chân cứng, đá mềm(8).

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Ráng* : sắc trời phía chân trời, buổi chiều, do ánh mặt trời chiếu vào mây. Ráng có các sắc : vàng, trắng, đỏ. *Ráng mỡ gà* : ráng có sắc vàng vàng tựa màu mỡ gà. Câu này nói về dấu hiệu (điềm, triệu) trời bão. Còn có câu : *Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa* (*mỡ chó* : ráng có sắc trắng nhợt, tựa màu mỡ chó).

(2) *Hoa đất* : ý nói (làm cho) đất tốt lên ; *hư đất* : làm cho đất bị trôi màu, bạc màu. Câu này nói về tác động của mưa phùn mùa xuân và mưa rào mùa hạ (miền Bắc) đối với đất.

(3) *Chồng, duyên* : từ *chồng* và từ *duyên* ở đây có nghĩa là : thuận, hợp. Vụ chiêm, nếu có gió đông thì thuận, lúa sẽ bốc ; vụ mùa, nếu có gió bấc thổi về thì ảnh hưởng tốt tới lúa mùa.

(4) *Bơ bải* : làm lụng vất vả, tất bật ; dáng bộ lăng xăng, mệt nhọc ; ở đây dùng theo nghĩa thứ nhất. *Thì* : chỉ thời vụ ; *phải thì* : đúng thời vụ. Câu này có ý nhấn mạnh yếu tố "thì" (thời vụ) chứ không có ý phủ nhận yếu tố "thục" (lao động). Còn có câu : *Nhất thì, nhì thục*.

(5) Câu này nói về kinh nghiệm chọn trâu. Trâu "khô chân, gân mặt", dáng bộ săn chắc, đanh quánh, thường cày khỏe, dai sức.

(6) Câu này nói về kinh nghiệm đánh bắt tôm cá ; đi vào lúc nào (tất nhiên cũng tùy nơi, tùy mùa) thì đón được luồng tôm, luồng cá. *Chạng vạng* : lúc trời gần tối.

(7) *Rếch, dơ* : bẩn. Câu này hiểu theo nghĩa đen cũng vẫn đúng : kẻ lười biếng thường ăn ở bẩn thỉu.

(8) Câu này có thể hiểu là : chân cứng thì đá cũng phải mềm ; chân cứng nên đá mềm ; v.v...*Chân cứng đá mềm* cũng thường được dùng như một *thành ngữ*, chỉ sự mong ước, cầu chúc (người ra đi) sức khỏe và may mắn : chân thì cứng (có sức khỏe), đá (đường đi) thì mềm (dễ dàng, thông thuận).

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hãy ghép những câu trên với những câu trong bài học *Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất*, sắp xếp theo các nhóm : a) tục ngữ về kinh nghiệm thời tiết, b) tục ngữ về kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá,v.v... c) tục ngữ về thái độ đối với thiên nhiên và lao động sản xuất. Nếu em biết thêm những câu tục ngữ khác cùng đề tài thì cũng xếp cả vào những nhóm trên.

2. Dựa vào những điều đã học được ở bài học chính thức, tìm hiểu những câu cùng loại trong bài đọc thêm này. Cũng có thể so sánh những câu mà nội dung kinh nghiệm có tính chất bổ sung cho nhau. Chẳng hạn, so sánh cặp câu :

- Tua rua thì mặc tua rua
Mạ già ruộng ngấu không thua bạn điền.
- Bơ bải không bằng phải thì.
v.v...

TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

1. Chim có tổ, người có tông[(1)].

2. Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

ruongxua.vn

3. Trai mà chi, gái mà chi,
Sinh ra có ngãi có nghì thì thôi[2].

4. Người dưng có ngãi thì đãi người dưng,
Anh em vô ngãi thì đừng anh em[3].

5. Yêu trẻ, trẻ đến nhà ;
Kính già, già để tuổi cho...

6. Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi[4].

7. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ[5].

8. Người đời hữu tử, hữu sanh (sinh)
Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm[6].

Chú giải

(1) *Tông :* dòng, họ ; đồng tông : cùng một họ, một dòng. *Tổ tông* : chỉ các vị là gốc rễ của dòng, họ. Ở đây có sự chơi chữ : chim có tổ (= ổ), người có tông (= gốc). Nghĩa câu tục ngữ là : là người, ai cũng có gốc, có tổ tông ; không được quên gốc, quên tổ tiên, ông bà.

(2) *Ngãi* (nghĩa) : điều nhân hậu, điều phải lẽ ; ơn (ân) nghĩa : làm ơn, làm điều phải, điều tốt cho người khác ; *có ngãi* (nghĩa) : biết ơn không phụ bạc ; có tình nghĩa.

Nghì : cũng là ngãi, nghĩa. Câu tục ngữ có ý khuyên người ta không nên quý con trai hơn con gái, hoặc buồn phiền về chuyện không có con trai, chỉ có con gái ; sinh con, được đứa có tình nghĩa hiếu thảo, không phụ bạc, là mừng.

(3) *Người dưng* : người ngoài, không phải bà con họ hàng. *Đãi* : tiếp đón, mời ăn. Câu này có ý nhấn mạnh điều tình nghĩa trong quan hệ giữa người với người (Nếu ta biết câu tục ngữ : *Một giọt máu đào hơn ao nước lã* thì sẽ hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự nhấn mạnh này).

(4) Câu tục ngữ này cũng nói về điều tình nghĩa : không quên người, không quên nơi đã có chút ơn nghĩa với mình.

(5) *Tàu* (ngựa, voi, ...) : chuồng, chỗ nhốt (voi, ngựa). Nghĩa câu tục ngữ : Đồng loại hay thương nhau, nhất là trong cơn hoạn nạn.

(6) *Hữu tử, hữu sanh* (sinh) : có sống, có chết. Nghĩa của câu tục ngữ này : người ta ai cũng sinh ra một lần, chết một lần ; (vì vậy) phải sống và chết sao cho xứng đáng (điều quan trọng là hiểu đúng : thế nào là *xứng phận*, thế nào là *tiếng thơm* cho hợp với thời đại mình đang sống).

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Dựa vào những điều đã học được ở bài học chính thức, tìm hiểu những câu tục ngữ trong bài đọc thêm này. Chú ý phân tích :

- Nghĩa đen, nghĩa bóng (nếu có) ;

- Những trường hợp có thể sử dụng câu tục ngữ được đề cập ;

- Đặc sắc của câu tục ngữ về mặt diễn đạt ;

2. Tìm những câu có ý nghĩa tương đương và những câu có ý nghĩa bổ sung (cho một số câu).

BƯỚC SANG THÁNG SÁU GIÁ CHÂN

(Vè nói ngược)

Bước sang tháng sáu giá chân[1]
Tháng chạp nằm trần, bức[2] đổ mồ hôi.
Con chuột kéo cày lồi lồi[3]
Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong[4].
Vườn rộng thì thả rau rong
Ao sâu giữa đồng, vãi cải lấy ngồng[5] làm dưa.
Một đàn con bò đi tắm đến trưa
Một đàn con vịt đi bừa ruộng nương.
Voi kia nằm ở gậm giường
Cóc đi đánh giặc bốn phương nhọc nhằn.
Chuồn chuồn thấy cám liền ăn
Lợn kia thấy cám nhọc nhằn bay qua.
Bao giờ cho đến tháng ba
ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.
Hùm nằm cho lợn liếm lông
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
Nắm xôi nuốt trẻ lên mười
Con gà nậm rượu nuốt người lao đao[6].
Lươn nằm cho trúm[7] bò vào
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.
Thóc giống cắn chuột trong bồ
Một trăm lá mạ[8] đổ vồ con trâu.
Chim chích cắn cổ diều hâu
Gà con tha quạ biết đâu mà tìm...

NGUYỄN VĂN NGỌC – Tục ngữ,phong dao,Tập II

Chú giải

(1) *Giá* : rét, lạnh nước đông lại ; *giá rét* : rất lạnh ; *giá chân* : lạnh buốt chân.

(2) *Bức* : nóng nực đến khó chịu (thường nói : nóng bức, oi bức...).

(3) *Lồi lồi* : *lồi* : nổi lên, trồi lên. *Mặt lồi lồi* : mặt trân trân, có vẻ xấc láo. *Kéo cày lồi lồi* : ý nói kéo cày băng băng (chú ý : *Lồi* có một nghĩa là *cái cày*).

(4) *Cong* : đồ đựng bằng sành, cao và có hông, nhỏ hơn cái chum.

(5) *Ngồng* : cái cọng bông hoa (thường nói về cây cải) ; *ngồng cải* : cái bông cây cải, cũng thường hiểu là cái cọng của hoa cải.

(6) *Lao đao* : nghĩa chính là gặp sự lo lắng, cam go. Ở đây (*người lao đao*) có ý nói : người say nghiêng ngả.

(7) *Trúm* : dụng cụ để bắt, bẫy lươn ; nó là một cái ống, lươn chui vào ăn mồi không ra được.

(8) *Lá mạ* : mạ là cây lúa giống mới mọc, chưa nhổ lên cấy (lúa gieo để cấy) ; lá mạ là lúa non, trâu rất thích ăn.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài vè kể toàn chuyện phi lí, ngược đời. Chuyện phi lí, ngược đời thường gây cười. Do đó loại vè này thường được kể để mua vui.

2. Dùng làm trò chơi cho trẻ, loại vè này cũng có tác dụng dạy trẻ *tập quan sát* các sự vật, hiện tượng xung quanh. Giống như trong một trò chơi ghép hình, râu ông nọ cắm cằm bà kia thì trông ngộ nghĩnh, buồn cười :

Con chuột kéo cày lồi lồi
Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong

thuongmaitr

Nhưng trả chi tiết "kéo cày lồi lồi" cho con trâu, chi tiết "bốc gạo vào ngồi trong cong" cho con chuột, thì chuyện phi lí thành chuyện hợp lí, nói ngược thành nói xuôi. Trẻ vừa chơi vui, vừa học quan sát.

3. Còn với người lớn, bày ra nói ngược, chắc không phải chỉ để mua vui. Những hình ảnh như :

Hương hoa thì xót, nước cả thì thơm
Người nằm đống rơm để giường cho chó...

gợi cho người ta liên tưởng đến những cảnh đảo điên hỗn loạn trong một xã hội hỗn loạn, đảo điên. Và những câu ca như :

Bao giờ cho đến tháng ba,
Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng...

có lẽ cũng ẩn chứa một ước mong gì trước những điều trông thấy trong xã hội.

CƠ KHỔ CHO ĐỨA GIỮ TRÂU

(Vè đi ở)

Cơ khổ[1] cho đứa giữ trâu,
Ăn quán nằm cầu[2] khóc mẹ kêu cha ;

Hai hàng nước mắt nhỏ sa,
Cách sông trở hói[3] biết nhà mẹ đâu ?

*

Tinh sương thức đậy mở trâu[4],
Nón nảy[5] chẳng có lấy đầu che mưa.
Thân tôi đi sớm về trưa,
Vác cày vác bừa cho mỏi hai vai.
Chúa[6] thuê quan mốt chẳng giả quan hai[7],

Tôi ở với ngài cho chẵn ba năm.
Chúa ăn rồi chúa lại nằm,
Bắt tôi xay lúa tối tăm trong nhà[8].
Cái niêu bằng quả trứng gà,
Chưa bắc đã sôi, chưa và đã hết[9],
Chúa sợ ăn hết chúa ngồi chúa lo
Thóc chúa ba lậm[10] bảy kho,
Chúa cho ăn ít, chẳng cho ăn nhiều.
Chúa ăn cá bống cá thiều[11],
Phần tôi hột muối để chiều khô khan.
Chúa mặc áo đát áo đản[12]
Thân tôi miếng giẻ vá ngang vá chằng...

*

Bao giờ cho đến tháng năm
Dắt trâu lên động[13] để mầm cây sanh (sinh)
Chia ra mỗi đứa mỗi cành
Gió nam phất phất hát tình quê hương.

thuongmaitr

Theo V. NAM *(Quảng Bình)*

Chú giải

(1) *Cơ khổ* : nghèo đói, khổ cực ; cũng là tiếng than. Ở đây là tiếng than.

(2) *Quán* : chòi, lều cất dọc đường để bán thức ăn uống, đồ lặt vặt cho khách đi đường ; *ăn quán nằm cầu* : quán ngữ chỉ tình trạng không nhà cửa, lang thang (cũng như *chim cầu khách quán* thường dùng để nói về dân lang thang không nhà cửa).

(3) *Hói* : lạch, nhánh sông.

(4) *Mở trâu* : tháo chuồng, thả trâu ra.

(5) *Nảy* : cái áo tơi lá.

(6) *Chúa* : chủ ; chúa trai, *chúa gái* : ông chủ, bà chủ.

(7) *Quan mốt, quan hai* : xem chú giải ở bài *Thà chết còn hơn.*

(8) Câu này có ý nói chủ hà tiện dầu thắp đèn, bắt đầy tớ xay lúa mò.

(9) *Bắc* (nồi, niêu) : để lên bếp, lò ; *bắc nước* : nấu nước.

Chưa bắc (= nấu) đã sôi, chưa và (= ăn) đã hết : tả rõ thêm "cái niêu (cơm) bằng quả trứng gà".

(10) *Lậm* (lẫm) : cái đụn, cái vựa, kho... chứa lúa thóc.

(11) *Cá bống, cá thiều* : những loại cá ngon.

(12) *Áo đát, áo đan* : *đan* : dùng nan, cái dọc cái ngang mà gài vào nhau ; *đát* : cũng là đan ; *đan đát* : đan dùng nan lớn, đát dùng nan nhỏ để ken cho chặt. *áo đát áo đan* : áo đan bằng len, sợi. Ở nông thôn trước Cách mạng, mặc áo len, áo sợi đã là sang lắm.

(13) *Động* : gò đống, núi trọc.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài vè là tiếng hát than thân của em nhỏ đi ở chăn trâu. Nỗi khổ được kể lể rất thực ; đúng là những nông nỗi của đứa giữ trâu, và đúng là cách nghĩ, giọng than của đứa trẻ. Trẻ nhà nghèo, đi ở, cũng sớm khôn, nên cách nhìn nhận, đánh giá về chúa nhà cũng có nét già dặn, sắc cạnh. Nhưng thương nhất là nỗi niềm xa mẹ, xa nhà, xa quê. Và ước mơ của em cũng thật tội nghiệp...

2. Em hãy đi vào những chi tiết kể khổ và tìm đến *nỗi niềm* của em nhỏ đi ở biểu hiện ở đó. Nhận xét về mối quan hệ tự nhiên giữa đoạn đầu với đoạn cuối bài vè.

Bài 4

ÔN TẬP TRUYỆN CƯỜI - TỤC NGỮ - VÈ

truongxua.vn

I – CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Em hiểu thế nào là truyện cười ? Hãy kể 2 - 3 truyện cười mà em biết. Kể rồi, em hãy giải thích rõ :

– Em cười cái gì, vì sao mà cười ?

– Ý nghĩa phê phán (hiểu theo nghĩa rộng) của cái cười trong mỗi truyện (nếu em nhận thấy truyện có ý nghĩa này).

Theo em, giữa truyện cười với truyện ngụ ngôn có điểm nào giống nhau không ?

2. Tục ngữ là gì ? Cho ví dụ. Giải thích và cho ví dụ về :

– *Vế* trong câu tục ngữ (câu có 2 vế, 3 vế, ...) ; quan hệ giữa các vế ;

– *Vần lưng* trong câu tục ngữ ;

– *Cách nói bằng hình ảnh* của tục ngữ.

Dựa theo cách giải thích ý nghĩa tục ngữ đã được học (bắt đầu từ giải nghĩa các từ khó, rồi giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ, kể cả nghĩa bóng (nếu có), sau đó nêu một số trường hợp có thể sử dụng câu tục ngữ và cuối cùng, nêu một vài nhận xét về kinh nghiệm được đúc kết trong câu tục ngữ), hãy giải thích 2 câu tục ngữ sau :

– Đánh mõ không bằng gõ thớt.

– Người ta là hoa đất.

3. Có mấy loại vè ? Em đã được học những loại vè nào ? Hãy nêu lên định nghĩa chung về vè.

Em có thể đọc thuộc lòng một vài đoạn ngắn (khoảng từ 5 đến 10 câu) của một vài bài vè mà em biết không ? Hãy nói những điều em hiểu và thích về một trong 4 bài vè đã học và đọc thêm.

thuongmaitr

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

1. Tìm đọc thêm một số truyện cười dân gian (khoảng từ 3 đến 5 truyện) và tập kể truyện cười. (Tránh những truyện cười "ác" và những truyện cười tục).

2. Tìm đọc thêm 1 - 2 bài thuộc nhóm những bài vè chim, cá, hoa, quả, rau. (Nếu tìm được bài vè lưu truyền tại địa phương thì tốt nhất).

3. Viết một bài theo đề tài : Em đã học được gì về tiếng Việt qua các bài học về Tục ngữ, Vè, Truyện cười ? (Chỉ nêu những bài học mà em thực sự nắm chắc và chỉ nêu những bài học này trên cơ sở những ví dụ, dẫn chứng cụ thể).

PHẦN HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1

CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

XUÂN QUỲNH

uongxua.vn

TIỂU DẪN

Xuân Quỳnh (1942 - 1988) tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở tỉnh Hà Tây, làm thơ từ đầu những năm sáu mươi. Thơ Xuân Quỳnh nói nhiều về tâm

sự của người phụ nữ, người mẹ trong cuộc sống ngày thường, với cách diễn đạt hồn hậu, tự nhiên. Xuân Quỳnh còn có nhiều tác phẩm cho thiếu nhi. Các tập thơ chính : *Chồi biếc, Hoa dọc chiến hào, Gió Lào cát trắng, Lời ru trên mặt đất, Tự hát, Hoa cỏ may.*

Bài *Chuyện cổ tích về loài người* rút từ tập thơ *Lời ru trên mặt đất* (1978) của Xuân Quỳnh.

*
* *

Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
Trên trái đất trụi trần
Không dáng cây ngọn cỏ

Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác.

Mắt trẻ con sáng lắm
Nhưng chưa thấy gì đâu ?
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ
Màu xanh bắt đầu cỏ
Màu xanh bắt đầu cây
Cây cao bằng gang tay
Lá cỏ bằng sợi tóc
Cái hoa bằng cái cúc
Màu đỏ làm ra hoa
Chim bấy giờ sinh ra
Cho trẻ nghe tiếng hót
Tiếng hót trong bằng nước
Tiếng hót cao bằng mây
Những làn gió thơ ngây
Truyền âm thanh đi khắp
Muốn trẻ con được tắm
Sông bắt đầu làm sông
Sông cần đến mênh mông

thuongmaitr

Biển có từ thuở đó
Biển thì cho ý nghĩ
Biển sinh ra cá tôm
Biển sinh những cánh buồm
Cho trẻ con đi khắp.

Đám mây cho bóng rợp
Trời nắng mây theo che
Khi trẻ con tập đi
Đường có từ ngày đó.

Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Cho nên mẹ sinh ra
Để bế bồng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bống cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...

Biết trẻ con khao khát
Chuyện ngày xưa, ngày sau
Không hiểu là từ đâu
Mà bà về ở đó
Kể cho bao chuyện cổ :
Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lí Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến suốt đời
Cũng không sao hết chuyện.

ruongxua.vn

Muốn cho trẻ hiểu biết
Thế là bố sinh ra
Bố bảo cho biết ngoan
Bố dạy cho biết nghĩ
Rộng lắm là mặt bể
Dài là con đường đi
Núi thì xanh và xa
Hình tròn là trái đất...

Chữ bắt đầu có trước
Rồi có ghế có bàn
Rồi có lớp có trường
Và sinh ra thầy giáo...
Cái bảng bằng cái chiếu
Cục phấn từ đá ra
Thầy viết chữ thật to
"Chuyện loài người" trước nhất.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ có hai phần rõ rệt. Phần trên nói nhiều về thiên nhiên, phần dưới nói nhiều về con người. Thiên nhiên và con người ở đây có quan hệ với trẻ em như thế nào ? Trong bức tranh thế giới thiên nhiên và con người của bài thơ, trẻ em ở vị trí nào ?

2. Em hãy tưởng tượng quang cảnh theo trình tự mà tác giả dựng lên trong bài thơ (Trẻ con xuất hiện trong cảnh thế giới, vũ trụ lúc đầu như thế nào ? Sau đó có những gì hiện ra gắn bó với trẻ em và dành cho trẻ em). Dựng cảnh, kể chuyện như thế có giống với các chuyện thần thoại, cổ tích mà em đã biết ? Em thử giải thích vì sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là "Chuyện cổ tích về loài người" ?

3. Trong bài thơ có nhiều từ ngữ và cách nói được nhắc đi nhắc lại. Em hãy tìm một số ví dụ trong số đó và nêu ý nghĩa, tác dụng của việc nhắc đi nhắc lại những từ ngữ và cách nói ấy.

4. Bài thơ toàn nói ngược với sự thực. Chuyện vô lí nhưng hấp dẫn, vì sao ? Qua những cách lí giải về mọi điều như trong bài thơ có gì gần gũi với suy nghĩ và tâm lí của trẻ em ?

5. Qua bài thơ, em thấy trẻ em được nâng niu, chăm sóc như thế nào ?

6. Đọc diễn cảm và học thuộc bài thơ.

Bài 2

TRE VIỆT NAM

NGUYỄN DUY

TIỂU DẪN

Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở tỉnh Thanh Hóa. Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mĩ, Nguyễn Duy là bộ đội và bắt đầu làm thơ. Các tập thơ chính : *Cát trắng* (1973) , *Ánh trăng* (1984).

Bài thơ *Tre Việt Nam* ở trong chùm thơ của Nguyễn Duy được tặng giải nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* năm 1972 - 1973, sau được đưa vào tập thơ *Cát trắng* của tác giả.

*

* *

Tre xanh
Xanh tự bao giờ ?
Chuyện ngày xưa ... đã có bờ tre xanh

Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi ?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu ?

Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chất dồn lâu hóa nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.

Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người

tuongxua.vn

Chẳng may thân gẫy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc, tre nhường cho con.

Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre
Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc, có gì lạ đâu
Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

1970 – 1972

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Thể thơ lục bát và sự trùng điệp đã tạo ra âm điệu chung của bài thơ như thế nào ? Em thấy nhiều câu thơ trong bài có gần với ca dao không ?

2. Trong đoạn thơ từ "Thân gầy guộc ... " đến "... khuất mình bóng râm" (từ dòng thứ 4 đến dòng thứ 15) tác giả đã khắc họa những đặc tính gì của cây tre và bằng những hình ảnh gợi cảm, những chi tiết cụ thể như thế nào ?

Trong đoạn này tác giả đã dùng nhiều từ ngữ để nói lên sức sống bền bỉ của cây tre trong hoàn cảnh gian khó, khổ nghèo. Em hãy tìm và phân tích những từ ngữ ấy ? Hình ảnh cây tre trong đoạn này gợi lên điều gì về đất nước và dân tộc ta ?

3. Trong đoạn thơ tiếp theo (từ "Bão bùng ..." đến "... tre nhường cho con") tác giả đã khắc họa tiếp những đặc tính quý báu gì nữa ở cây tre ? Cây tre ở đây đã được miêu tả theo thủ pháp nghệ thuật gì ? Em hãy nêu ý nghĩa của cách dùng thủ pháp nghệ thuật ấy trong đoạn thơ này.

4. Em có thấy điều gì đặc biệt trong cách dùng từ, cấu tạo câu thơ ở trong những câu kết thúc bài thơ :

"Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh".

Những điệp từ ở đây có tác dụng gì ? Em hiểu câu thơ cuối bài như thế nào ?

5. Theo em, vì sao bài thơ có tên (tựa đề) là *Tre Việt Nam* ?

6. Tập đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

Em có biết những câu thơ, bài văn nào nữa cũng nói về cây tre ?

Bài 3

LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

NGUYỄN HUY TƯỞNG

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Tác giả Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) quê ở xã Dục Tú, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội, là nhà văn và nhà viết kịch, đã sáng tác từ trước 1945. Ông tham gia phong trào cách mạng từ 1943, là một trong những người lãnh đạo Hội văn hóa Cứu quốc và Hội văn nghệ Việt Nam. Ông là một trong những người sáng lập và là Giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản *Kim Đồng* chuyên xuất bản sách cho thiếu nhi. Tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng thường khai thác đề tài lịch sử và thấm đượm tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.

Tác phẩm chính : các tiểu thuyết lịch sử *Đêm hội Long Trì, An Tư công chúa* ; kịch *Vũ Như Tô, Những người ở lại* ; tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* và nhiều truyện viết cho thiếu nhi, trong đó xuất sắc nhất là *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*

TÓM TẮT TÁC PHẨM

Quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ hai. Vua Thiệu Bảo họp các vương hầu tại bến Bình Than bàn kế diệt giặc, cứu nước. Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản chưa đầy 16 tuổi nên không được dự bàn. Quả cam vua ban, chàng cầm trong tay bóp nát lúc nào không biết.

Trần Quốc Toản trở về quê cùng với người tướng già chiêu mộ binh sĩ, rèn luyện võ nghệ dựng cờ nghĩa rồi kéo quân đi diệt giặc.

Đoàn quân nghĩa sĩ giương cao lá cờ đỏ đề sáu chữ vàng "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, đền ơn vua) , liên tiếp lập nhiều chiến công lẫy lừng khiến cho kẻ địch vô cùng khiếp sợ.

Được lệnh, Trần Quốc Toản đưa đoàn nghĩa sĩ về hội quân tại Vạn Kiếp. Lá cờ "Phá cường địch, báo hoàng ân" phấp phới bay ngang hàng với cờ của các vương hầu khác.

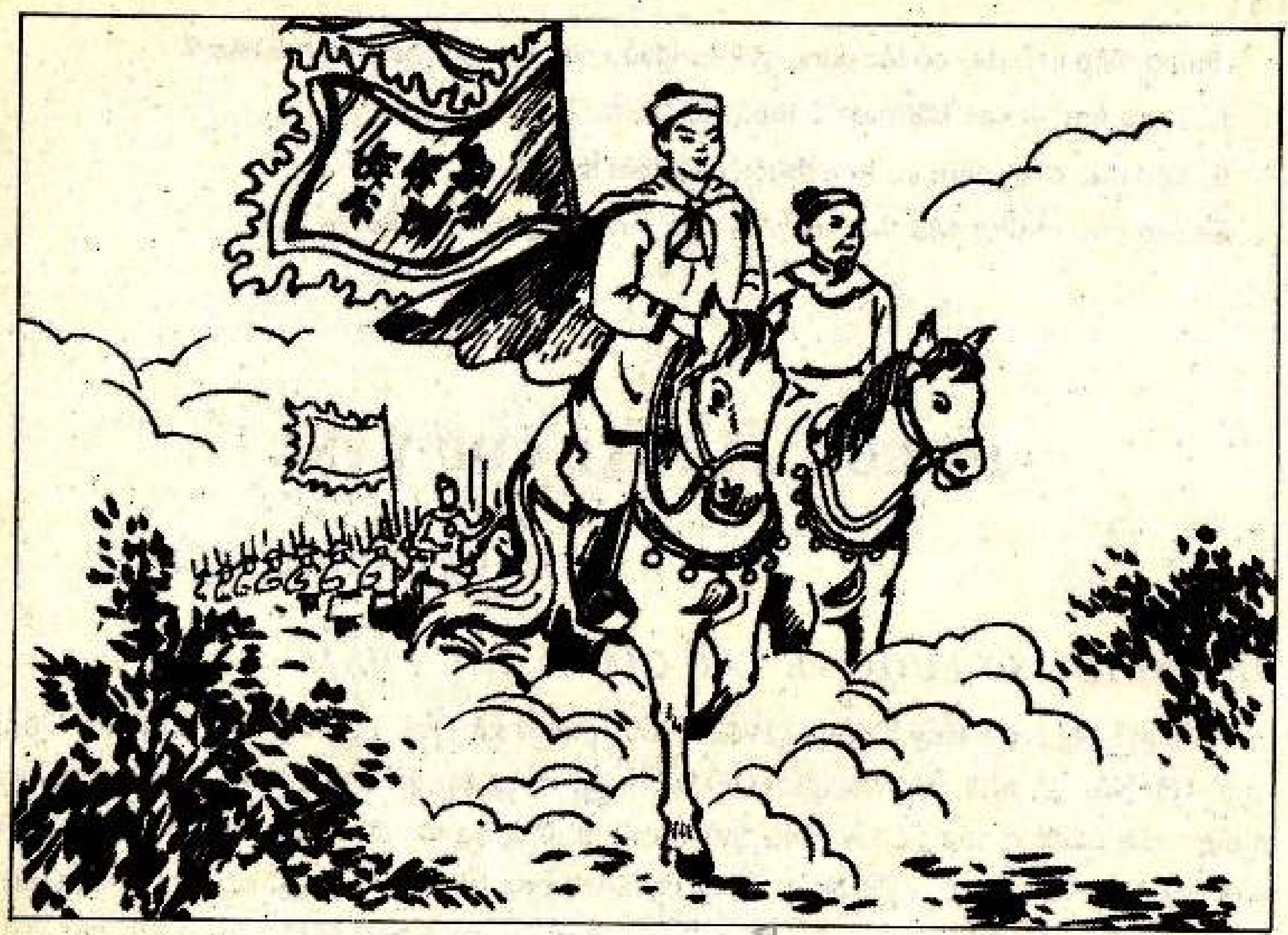

Trần Quốc Toản xin ra trận lập công. Chàng được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cử làm tướng tiên phong dưới quyền Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, đưa quân đánh tan đạo quân của Toa Đô ở cửa Hàm Tử.

Lá cờ thêu sáu chữ vàng lại tiếp tục dẫn Trần Quốc Toản cùng đoàn nghĩa sĩ "đi mãi đi mãi tới những nơi nào còn có bóng quân Nguyên".

Dưới đây là ba đoạn trích từ tác phẩm :

I - BÓP NÁT QUẢ CAM

Hoài Văn nằn nì thế nào, quân Thánh Dực[1] cũng không cho chàng xuống bến. Hầu đứng trên bờ, thẫn thờ nhìn bến Bình Than[2] . Hai cây đa cổ thụ bóng râm che mát cả một khúc sông...

... Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao

giờ ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm mắt trừng lên một cách điên dại :

– Không buông ra, ta chém !

Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vương hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đây từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá, viên tướng nói :

– Quân pháp vô thân[3]. Hầu không có phận sự ở đây nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng lệnh.

Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn :

– Ta xuống xin bệ kiến quan gia[4], không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này !

tuongxua.vn

Viên tướng tái mặt, hô quân sĩ vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.

Vừa lúc ấy thì cuộc họp bàn ở dưới thuyền tạm nghỉ. Vua Thiệu Bảo[5] và nhiều vị vương hầu ra ngoài mui, ngắm cảnh sông nước. Nghe tiếng ồn ào trên bến, vua và các vương hầu nhìn lên, thấy Hoài Văn đang giằng co với một đám quân Thánh Dực. Vua hỏi :

– Cái gì trên ấy ?

Quốc Toản nhìn xuống, thấy vua Thiệu Bảo đứng tựa đầu rồng dưới một cái tán vàng. Nhà vua còn rất trẻ, mặt đỏ như gấc chín. Đứng sau vua là Hưng Đạo Vương cao lớn, chòm râu dài đốm bạc bay theo chiều gió. Chiêu Thành Vương lật đật chạy lên bờ, hỏi cháu :

– Cháu không sợ tội chết hay sao mà đến đây ? Ai bảo cháu đến ?

Hoài Văn thưa :

– Cháu nghe tin thiên tử[6] họp với các vương hầu ở đây nên cháu đến.

– Cháu chưa đến tuổi dự bàn việc nước. Bên trong là tình họ hàng máu mủ, xuề xòa, thân mật với nhau thế nào cũng được. Nhưng ra ngoài là việc nước, có tôn ti, có phép tắc, không thể coi thường. Cháu tự tiện đến đây đã là không phải, lại gây sự với quân Thánh Dực, đấy là tội chết. Chú cũng phải vạ lây. Sao cháu không nghe lời chú, về quê thờ mẹ, mà lại tự tiện vô cớ đến đây gây ra cái vạ tày trời này ?

Hoài Văn cúi đầu thưa :

– Cháu biết là mang tội lớn. Nhưng cháu trộm nghĩ rằng khi quốc biến[7],thì đến đứa trẻ cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn. Cháu chưa đến tuổi dự bàn việc nước, nhưng cháu có phải là giống cỏ cây đâu mà ngồi yên được ? Vua lo thì thần tử[8] cũng phải lo. Cha cháu mất sớm, cháu được chú nuôi nấng. Chú thường dạy cháu những điều trung nghĩa, cháu vẫn ghi trong tấc dạ. Cháu liều chết đến đây, chỉ muốn góp một vài lời. Thưa chú, chẳng hay quan gia cùng các vương hầu bàn định thế nào ? Cho nó mượn đường hay đánh lại ?

– Việc đó còn đang bàn. Có người chủ chiến. Có người chủ hòa.

thuongmaitr

Quốc Toản đứng phắt dậy, mắt long lên :

– Ai chủ hòa ? Ai chủ hòa ? Cho nó mượn đường ư ? Không biết đây là kế giả đồ diệt Quắc[9] của nó đấy sao ? Dâng giang sơn gấm vóc này cho giặc hay sao mà lại bàn thế ?

Quốc Toản chạy xồng xộc xuống bến, quỳ xuống tâu vua, tiếng nói như thét :

– Xin quan gia cho đánh ! Cho giặc mượn đường là mất nước.

Nói xong, Hoài Văn run bắn, tự đặt thanh gươm lên gáy và xin chịu tội. Thiệu Bảo gật đầu, mỉm cười nhìn Hưng Đạo Vương và Hưng Đạo Vương cũng gật đầu. Lời nói của Hoài Văn chính hợp với ý của nhà vua và Hưng Đạo. Nhưng trong đám vương hầu, có một người sầm nét mặt. Đấy là Chiêu Quốc Vương Ích Tắc[10] . Ích Tắc là kẻ chủ hòa. Chiêu Quốc Vương nói :

– Hoài Văn Hầu làm loạn phép nước ! Muốn trị nước phải trị người thân trước đã. Cúi xin quan gia cho chém đầu để nghiêm quân lệnh !

Hoài Văn cúi rạp đầu xuống đất. Bên cạnh Hoài Văn, Chiêu Thành Vương cũng quỳ để xin chịu tội. Thiệu Bảo ôn tồn nói :

– Hoài Văn Hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, cho nước, chí ấy đáng trọng.

Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp :

– Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn Hầu nên về quê để phu nhân có người sớm hôm trông cậy. Đế vương lấy hiếu trị thiên hạ, em ta không nên sao nhãng phận làm con.

Vừa lúc ấy, một người nội thị[11] bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm một quả cam chín mọng trên mâm, bảo nội thị đưa cho Hoài Văn. Vua nói :

– Tất cả các vương hầu đến đây đều có phần cam. Chẳng lẽ Hoài Văn lại không được hưởng. Vậy thưởng cho em ta một quả.

Hoài Văn đỡ lấy quả cam, tạ ơn vua, lủi thủi bước lên bờ. Đằng sau có tiếng cười của Thiệu Bảo và các vương hầu. Hoài Văn nghe rõ cả tiếng cười của mấy vị tước vương chỉ nhỉnh hơn mình vài tuổi. Vua ban cho cam quý, vừa hờn vừa tủi. Uất nhất là đám quân Thánh Dực cũng khúc khích cười chế nhạo. Hoài Văn quắc mắt, nắm chặt bàn tay lại. Được rồi ! Ta sẽ chiêu binh mãi mã[12] cầm quân đi đánh giặc. Xem cái thằng phải đứng ngoài rìa này có phải là kẻ toi cơm không ? Hai hàm răng Hoài Văn nghiến chặt. Hai bàn tay càng nắm chặt lại, như để nghiền nát một cái gì. Hai bàn tay run lên vì giận dữ. Hoài Văn lẩm bẩm : "Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua ; xem ai hơn, ai kém. Rồi triều đình sẽ biết tay ta". Hai nắm tay Hoài Văn càng bóp mạnh.

Đám người nhà trông thấy Hoài Văn hầm hầm trở ra thì chạy ùa tới hỏi chuyện. Để đỡ ngượng với họ, Hoài Văn nói liều :

– Ta đã tâu với quan gia cho đánh. Quan gia ban cho ta quả cam này. Ơn vua lộc nước, ta đem về biếu mẫu thân[13].

Trần Quốc Toản xòe bàn tay phải ra. Quả cam đã nát bét, chỉ còn trơ bã.

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Quân Thánh Dực* : đội quân chuyên bảo vệ nhà vua.

(2) *Bến Bình Than* : bến trên sông Hồng, thuộc địa phận tỉnh Hải Hưng ngày nay.

(3) *Quân pháp vô thân* : phép quân, phép nước không nể người thân.

(4) *Bệ kiến quan gia* : xin gặp vua (*Quan gia* là từ để gọi vua của các vương hầu hoàng tộc).

(5) *Thiệu Bảo* : tức vua Trần Nhân Tông. (Thiệu Bảo là niên hiệu của Nhân Tông, người ta cũng dùng niên hiệu để gọi vua).

(6) *Thiên tử* : vua (*Thiên tử* : con trời. Ngày xưa coi vua là "Thiên tử" thay trời trị dân, cai quản đất nước).

(7) *Quốc biến* : cơn nguy biến của đất nước.

(8) *Thần tử* : phận bề tôi, con cái (*Thần* là bầy tôi của vua, *tử* là con).

(9) *Giả đồ diệt Quắc* : mượn đường để diệt nước Quắc (Một điển tích thời Đông Chu ở Trung Quốc). Ở đây chỉ việc quân Nguyên giả tiếng mượn đường qua nước ta đi đánh nước Chiêm Thành. Thực chất là để xâm lược nước ta.

(10) *Ích Tắc* : (Trần Ích Tắc) một vương hầu hoàng tộc, kẻ chủ hòa, sau đó theo giặc làm tay sai cho chúng.

uongxua.vn

(11) *Nội thị* : người hầu ở trong cung vua.

(12) *Chiêu binh mãi mã* : chiêu tập quân lính, mua sắm ngựa và vũ khí.

(13) *Mẫu thân* : (từ Hán - Việt, để gọi một cách trang trọng) mẹ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

Đoạn này ở phần đầu của truyện, dựng lại một sự việc về Trần Quốc Toản đã được lưu truyền trong sử sách : Chuyện Trần Quốc Toản bóp nát quả cam lúc ở bên ngoài, không được vào dự cuộc hội bàn của vua với các vương hầu để bàn việc đối phó với giặc Nguyên. *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* là một truyện lịch sử, tác giả dựng lại không khí lịch sử và các nhân vật là vua chúa, vương hầu, quý tộc nên truyện có giọng kể trang trọng, dùng nhiều từ ngữ cổ của lối nói, cách xưng hô trong triều đình, nhưng không quá cách vời.

Đoạn này tả tâm trạng sôi sục, nôn nóng của Trần Quốc Toản trước vận mệnh đất nước ; tâm trạng ấy được biểu lộ bằng những hành động giận dữ, bồng bột mạnh mẽ và quyết liệt của chàng thiếu niên quý tộc giàu lòng yêu nước.

1. Em hãy tìm những từ ngữ, lời nói, chi tiết nói lên tâm trạng nôn nóng, giận dữ của Trần Quốc Toản trước khi được gặp vua. Vì sao Quốc Toản có tâm trạng ấy ?

2. Qua những lời nói và đối xử của vua Thiệu Bảo, em thấy thái độ của nhà vua với Quốc Toản như thế nào ?

3. Sau khi được gặp vua, diễn biến tâm trạng của Trần Quốc Toản như thế nào ? Vì sao chàng lại "vừa hờn vừa tủi" rồi lại "giận dữ" ? Vì sao Quốc Toản bóp nát quả cam ?

4. Em hãy phân tích hình ảnh quả cam bị bóp nát trong tay Trần Quốc Toản. Hình ảnh ấy đẹp và có ý nghĩa như thế nào ?

5. Ở đoạn trích này, tác giả đã khắc họa thành công hình ảnh Trần Quốc Toản - một thiếu niên quý tộc giàu tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu. Em hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật này của tác giả.

6. Đọc diễn cảm đoạn từ : "Quốc Toản chạy xồng xộc..." đến "Hai nắm tay Hoài Văn càng bóp mạnh".

Em hãy viết một đoạn văn ngắn nói cảm nghĩ của em về hình ảnh Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.

II - LUYỆN TẬP

... Từ hôm về, suốt ngày Hoài Văn luyện tập trên một bãi rộng có nhiều gò đống cao thấp nằm bên một con ngòi. Hoài Văn tập nhảy qua các gò đống, tập bơi hụp dưới nước, tập khuân đá tảng, chém cây to, cưỡi ngựa phóng tên ... Tinh mơ, Hoài Văn đã ra đây, chiều nhá nhem tối mới trở về.

Khi Chiêu Thành Vương tới bãi tập thì thấy Quốc Toản cởi trần đóng khố để lộ nước da trắng trẻo. Lố nhố chung quanh là những trai tráng trong làng, cũng đóng khố cởi trần, mình đen trùi trũi[1]. Người tướng già cũng ngồi trong đám vật. Trông thấy Chiêu Thành Vương, người tướng già phục xuống lạy. Hoài Văn đang mải vật với một anh trai làng. Anh này nằm dán xuống đất. Hoài Văn nằm trên, nhưng loay hoay mãi, không lật ngửa anh kia ra được. Vai và lưng Hoài Văn đỏ tấy[2] hằn lên những vết ngón tay của đối phương. Chiêu Thành Vương đứng xem, ngứa mắt nói to :

– Kéo gọng vó lại[3] ! Đánh vật mà chưa biết miếng !

Bấy giờ Hoài Văn mới biết là chú đến, vội buông anh bạn, sụp xuống lạy. Chiêu Thành Vương bảo Hoài Văn :

– Đánh vật là nghề riêng của họ nhà ta. Cháu ham đánh vật như vậy, chú rất mừng. Nhưng đánh vật mới là trò chơi mà cháu còn lúng túng như thế, thì đến khi đánh giặc thật, cháu còn lúng túng đến thế nào. Bây giờ cháu thử vật với chú một keo. Cháu vật được chú thì chú bằng lòng cho cháu đi đánh giặc.

Mọi người đều tưởng rằng vị đại vương chức trọng quyền cao nói đùa. Không ngờ Vương đã cởi áo, đóng khố. Vương đã ngoài bốn mươi tuổi, nhưng thân hình nở nang, bắp thịt rắn như sắt, người chắc như một hòn đá tảng. Vương cười và ung dung bước vào sân vật. Hoài Văn đang hăng như một con gà chọi. Hoài Văn nói :

– Chú cho phép thì cháu xin hầu vật.

Hai chú cháu quần nhau trên sân vật. Tay Quốc Toản bắt vào tay chú như cành que đập vào phiến đá. Ba keo liền Hoài Văn bị vật ngã trắng bụng. Nhưng anh chàng vẫn hăng máu xin vật nữa. Người chú ruột cười khà khà :

uongxua.vn

– Chú khen cháu là kẻ có gan to, thua mà không nản chí. Nhưng cháu còn phải tập nhiều, chưa đánh giặc được đâu. Cháu có biết rằng quân Nguyên thằng nào cũng khỏe như Trương Phi cả không ?

– Hàn Tín ngày xưa trói gà không nổi mà đánh được Hạng Vũ có sức bạt sơn cử đỉnh(4) ?

– Hàn Tín là bậc đại tướng, ta không nên so sánh. Còn như đã gọi là ra trận thì phải có sức khỏe tuyệt luân(5) như Anh Bố, Bành Việt mới được. Cháu còn tập môn gì nữa nào ? Cháu có biết quân Nguyên cưỡi ngựa không cần cầm cương, ngồi trên ngựa như ta đi dưới đất, có tài bắn trăm phát trăm trúng không ?

– Cháu xin bắn thử chú xem.

Hoài Văn dẫn chú đến chỗ tập bắn rồi đeo cung tên, nhảy lên ngựa, chạy ra xa, xa đến khi nhìn lại điểm hồng tâm chỉ bé bằng hạt gạo. Quốc Toản nhìn thẳng hồng tâm, giương cung lắp tên, bắn luôn ba phát đều trúng cả. Mọi người reo hò khen

ngợi, người tướng già cũng cười, nở nang mặt mày. Chiêu Thành Vương gật đầu :

– Cháu bắn đã khá, chú mừng cho cháu. Nhưng cháu phải luyện nữa mới đánh giặc được. Cháu xem chú bắn đây này.

Vương nhảy phắt lên ngựa, chạy xa hơn Trần Quốc Toản, Vương vẫn phóng ngựa, không xoay mình, chỉ quay đầu lại, giương cung lắp tên. Mũi tên bắn trúng và mạnh đến nỗi những mũi tên của Quốc Toản cắm vào hồng tâm đều rơi xuống đất. Khi Vương quay ngựa trở lại, mọi người đều lạy rạp, bái phục tài bắn của Vương. Vương bảo Hoài Văn :

– Chú mong cháu khôn lớn, trở thành người tôi hiền tướng giỏi. Nhưng nay cháu còn nhỏ, chưa lượng sức mình mà cứ đi đánh giặc, thì e rằng sẽ chuốc lấy cái hại vào mình. Chú nói thế để cháu biết bụng chú.

Vương lại bảo người tướng già :

– Ông nên giúp cậu luyện tập thêm. Ta phải ra trận không thể ở nhà mà bảo ban cháu ta được.

Chợt trông thấy một cái hố dài để tập nhảy. Vương cười và hỏi :

thuongmaitr

– Ngắn thế này thôi ư ?

Chiêu Thành Vương cùng mọi người đào thêm một cái hố rộng đến hai trượng. Trong lòng hố, Vương cho cắm chi chít những giáo mác và tre vót nhọn, cái cao cái thấp. Làm xong, Vương nhảy phắt một cái qua hố, nhẹ như con sóc, mặt thản nhiên không động. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi. Hoài Văn định nhảy liều. Người tướng già ngăn lại. Chiêu Thành Vương nói :

– Cháu cố tập thêm rồi hãy nhảy. Sao cho người nhanh như cắt, lòng tĩnh như trời xanh[6], nhảy qua chông gai như không, thì đến khi đứng trước giặc dữ mới không nhụt nhuệ khí, cháu đã nghe chưa ?

Vương đi rồi mọi người vẫn trầm trồ khen ngợi sức khỏe của Vương. Hoài Văn hỏi người tướng già :

– Ông xem ta ra trận được chưa ? Làm thế nào cho ta bằng chú ta được ?

– Vương tử[7] không lo, Vương tử chưa tập được là bao, thế tất phải kém đại vương đã dày công luyện tập. Phương ngôn có câu : có công mài sắt, có ngày nên kim. Xin vương tử gia công luyện tập, có chí thì thành.

– Phải tập cho nhanh. Giặc sang đến nơi rồi. Ta sẽ học tập cả ngày lẫn đêm. Chí ta đã quyết dù cho khó nhọc đến đâu, ta cũng chẳng sờn lòng.

Chú giải

(1) *Đen trùi trũi* : toàn một màu đen.

(2) *Đỏ tấy* : đỏ hẳn lên thành vết.

(3 *Gọng vó* : một tư thế dạng chân trong cuộc đấu vật.

(4) *Bạt sơn cử đỉnh* : phá được núi, nâng được những chiếc đỉnh to nặng, ý nói : có sức khỏe ghê gớm. Hạng Vũ, Hàn Tín, Anh Bố, Bành Việt : những tướng Trung Quốc ngày xưa, nổi tiếng vì có sức khỏe (Anh Bố, Bành Việt, Hạng Vũ) và tài trí (Hàn Tín).

(5) *Sức khỏe tuyệt luân* : sức khỏe tuyệt vời.

(6) *Nhanh như cắt* : nhanh nhẹn như con chim cắt ; lòng tĩnh như trời xanh : ý nói hết sức bình tĩnh, không một chút nao núng, hốt hoảng, giống như buổi trời xanh êm ả, không gợn mây nổi gió.

uongxua.vn

(7) *Vương tử* : con các vị đại vương.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đoạn văn này miêu tả người chú - Chiêu Thành Vương đưa Trần Quốc Toản vào ba cuộc thử thách trong việc luyện tập. Đó là những thử thách nào ? Mỗi cuộc thử thách nhằm bồi dưỡng tài nghệ và phẩm chất gì cho người ra trận ?

2. Em hãy nhận xét cách miêu tả và dẫn chuyện của tác giả qua từng cuộc thử thách. Tâm trạng, tính cách của hai nhân vật Quốc Toản và Chiêu Thành Vương đã được bộc lộ qua đó như thế nào ?

3. Qua đoạn văn này, Quốc Toản hiện ra là một thiếu niên có hoài bão lớn, quyết tâm rèn luyện để thực hiện chí lớn. Em hãy tìm những chi tiết, hình ảnh, lời nói thể hiện rõ những phẩm chất ấy ở nhân vật.

4. Nhân vật Chiêu Thành Vương trong đoạn này đáng cảm phục và kính trọng ở những điều gì ?

5. Em hãy viết một đoạn văn tả lại một trong những cuộc thử thách khi luyện tập của Quốc Toản theo lời kể của chính Trần Quốc Toản hoặc người tướng già.

III - LÊN ĐƯỜNG

Một năm đã qua.

Thế rồi một hôm, Hoài Văn đang luyện tập với sáu trăm gã hào kiệt[1] thì có tin đồn thái tử[2] nhà Nguyên là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, thống lĩnh năm mươi vạn binh mã đã phạm vào cửa ải. Quan quân đã giao chiến với giặc.

Sáu trăm người hoa chân múa tay, xin Hoài Văn gấp gấp lên đường.

Một buổi sáng tháng chạp rét như cắt. Mây xám phủ đầy trời. Gió rít lên từng trận. Giữa bãi tập, lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng[3] tung bay ngạo nghễ, xua tan không khí mùa đông ảm đạm. Trên đàn đất đắp cao bày một hương án[4]. Trên hương án, trầm hương tỏa khói thơm. Hai bên đàn, sáu trăm gã hào kiệt đứng nghiêm chỉnh chống những cây giáo thẳng, đều tăm tắp, mũi nhọn sáng ngời. Mọi người đều nín thở. Trong im lặng, chiêng trống bỗng rung lên.

thuongmaitr

Khăn áo chỉnh tề, Hoài Văn bước lên đàn cao, quỳ trước hương án. Người tướng già thắp thêm hương đốt thêm trầm. Hoài Văn lầm rầm khấn trời đất phù hộ nước Nam, và dõng dạc đọc lời thề, phỏng theo những lời thề mà chàng đã nghe quan gia đọc ở đền Đồng Cổ[5] tại kinh thành :

– Chúng tôi, sáu trăm nghĩa sĩ, tình như ruột thịt, nghĩa tựa keo sơn, thề đồng tử đồng sinh[6], đuổi giặc cứu dân. Ai bất nghĩa, bất trung, xin trời tru đất diệt !

Sáu trăm hào kiệt đọc lời thề :

– Ai bất nghĩa bất trung, xin trời tru đất diệt !

Và họ uống máu ăn thề. Họ nhìn lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng, lòng họ bừng bừng, tay họ như có thể xoay trời chuyển đất. Đêm hôm ấy, đã khuya lắm, người ta vẫn nghe thấy những tiếng mài gươm.

Sáng hôm sau, Hoài Văn Hầu dậy sớm, lên nhà trên từ biệt mẹ già :

– Con đi phen này đã thề sống chết với giặc. Bao giờ đất nước thanh bình, bốn phương bể lặng trời im, con mới trở về. Xin mẹ ở nhà giữ ngọc gìn vàng[7] để cho con được yên lòng xông pha trận mạc.

Hoài Văn lạy mẹ. Phu nhân quyến luyến không muốn chia tay, nhưng phu nhân không sa nước mắt. Phu nhân nói :

– Con vì nước nên mẹ chẳng giữ. Mẹ chỉ có một mình con đây. Mẹ sớm mong con ca khúc khải hoàn[8] mẹ con ta lại được sớm cùng nhau sum họp.

Đây là lần thứ hai trong đời Hoài Văn xa mẹ. Lần trước về kinh thành, chỉ là một chuyến đi chơi. Lần này mới thật là đi xa, không biết bao giờ trở lại. Lòng Hoài Văn bỗng thấy nao nao.

Nhưng chiêng trống bên ngoài đã nổi rộn ràng. Hoài Văn lạy mẹ một lần nữa, vén mành bước ra sân khi ấy còn tối mờ mờ.

Hoài Văn mặc áo bào[9] đỏ, vai mang cung tên, lưng đeo thanh gươm gia truyền, ngồi trên một con ngựa trắng phau.

uongxua.vn

Chàng giữ vẻ uy nghiêm của một vị chỉ huy. Theo sau Hoài Văn là người tướng già, mặt sạm đen vì sương gió, chòm râu dài trắng như cước. Tiếp sau là sáu trăm gã hào kiệt nón nhọn giáo dài. Đoàn quân hùng dũng ra đi trên con đường cái nhỏ, hai bên là đồng không mông quạnh. Tiếng chiêng tiếng trống rập rình.

Đoàn quân đã đi xa. Bà con đi tiễn vẫn còn trông thấy lá cờ đỏ đề sáu chữ vàng mở đường đi trước. Lá cờ căng lên vì ngược gió.

Chú giải

(1) *Hào kiệt* : người có tài trí lớn, hơn hẳn người thường. Ở đây để chỉ các nghĩa binh của Quốc Toản.

(2) *Thái tử* : con trai vua, được chọn kế vị.

(3) Sáu chữ vàng ấy là : "Phá cường địch, báo hoàng ân" (Phá giặc mạnh, đền ơn vua)

(4) *Hương án* : bàn có đặt bình để đốt hương, dùng trong việc tế lễ.

(5) *Đền Đồng Cổ* : ngôi đền có đặt trống đồng (*Đồng Cổ* : trống đồng) ở kinh thành Thăng Long, xưa các vua quan đến đó để làm lễ thề trung thành với nước.

(6) *Đồng tử đồng sinh* : cùng sống, cùng chết (một lòng một dạ sống chết có nhau)

(7) *Giữ ngọc gìn vàng* : giữ gìn, bảo vệ cẩn trọng sức khỏe, thân mình (đáng quý như vàng ngọc).

(8) *Khải hoàn* : thắng trận trở về.

(9) *Áo bào* : áo khoác ngoài của tướng sĩ thời xưa thường dùng khi ra trận.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong buổi lên đường của Trần Quốc Toản và đoàn quân, mỗi người (Quốc Toản, bà mẹ, các nghĩa sĩ) đều có những nét tâm trạng riêng nhưng đều thống nhất ở một ý chí chung. Em hãy nêu những nét chung và riêng ấy ở mỗi nhân vật.

2. Đoạn văn này có không khí trang nghiêm, hào hùng đầy xúc động. Không khí ấy được tạo nên bằng những chi tiết, hình ảnh, sự việc gì và bằng lời văn như thế nào của tác giả ?

3. Hình ảnh đoàn quân lên đường ở cuối bài được miêu tả như thế nào ? (*Gợi ý* : Hình ảnh Hoài Văn, người tướng già, đoàn quân, khung cảnh xung quanh, hình ảnh lá cờ dẫn đầu đoàn quân...). Hình ảnh ấy gợi cho em ấn tượng, cảm xúc gì ?

Câu cuối của bài : "Lá cờ căng lên vì ngược gió" gợi ra ý nghĩa gì ?

thuongmaitr

Bài 4

ÔN TẬP

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945

1. Em hãy nhận xét về thể thơ, giọng điệu và ngôn ngữ của hai bài thơ đã học trong phần văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám ở sách này ? Các yếu tố nghệ thuật ấy đã có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện nội dung tình cảm và tư tưởng của tác giả ở mỗi bài ?

2. Trong hai bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* và *Tre Việt Nam* có những hình ảnh nào gây được ấn tượng sâu sắc cho em ? Em hãy tìm và phân tích một vài hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa trong các bài thơ ấy.

3. Qua ba đoạn đã học từ tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, em hãy hình dung về nhân vật Trần Quốc Toản (chân dung, hành động, những nét tính cách và phẩm chất nổi bật...). Những nét gì ở nhân vật này làm cho em yêu mến và cảm phục ? Qua ba đoạn đã học, em thấy Trần Quốc Toản đã trưởng thành lên như thế nào ?

4. Tìm đọc cả tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*. Viết một bài văn ngắn nói cảm nghĩ về nhân vật Trần Quốc Toản hoặc bình một đoạn văn, một chi tiết nào mà em thấy là đặc sắc trong tác phẩm ấy.

uongxua.vn

PHẦN BA

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1

CHÚ BÉ TÍ HON

TIỂU DẪN

Đây là một trong những truyện cổ tích rất phổ biến ở các nước phương Tây, được hai anh em nhà văn Đức là Gia-cốp Grim (1785 - 1863) và Vin-hem Grim (1786 - 1859) sưu tầm, biên soạn lại thành sách, người ta thường gọi là *Truyện cổ Grim.*

Xưa có một bác nông dân nghèo. Buổi tối bác thường ngồi bên bếp lửa, nói với bác gái đang xe chỉ :

– Vợ chồng mình hiếm hoi[1] thật là buồn. Nhà mình tẻ ngắt, còn các nhà láng giềng[2] thì thật là vui vẻ nhộn nhịp.

thuongmaitr

Bác gái thở dài đáp :

– Giá được đứa con dù bé bằng ngón tay cái, tôi cũng thỏa lòng, chắc vợ chồng mình cũng sẽ yêu quý nó lắm nhỉ.

Được ít lâu, người vợ thụ thai[3] và bảy tháng sau sinh được một thằng bé đầy đủ mặt mũi chân tay, nhưng chỉ vừa bằng ngón tay cái.

Hai vợ chồng nói :

– Thật đúng như lời ước nguyện[4]. Vợ chồng mình sẽ yêu quý nó lắm nhỉ.

Vì nó bé bằng ngón tay cái nên họ đặt tên nó là Tí hon. Tuy hai vợ chồng cho con ăn uống đầy đủ, con vẫn không nhỉnh lên chút nào cả, cứ nguyên như lúc đẻ ra. Được cái mặt nó sáng, có vẻ thông minh. Chẳng bao lâu nó đã khôn ngoan, khéo léo, làm gì cũng được.

Một hôm người bố sửa soạn vào rừng đốn củi, miệng lẩm bẩm: "Giá ta có người đánh xe[5] hộ có thích không" ?

Tí hon bèn thưa rằng :

– Bố ạ, con đánh xe được, bố cứ tin ở con, thế nào xe cũng tới rừng đúng lúc.

Bố cười nói :

– Con đánh xe thế nào được ! Con bé quá không cầm nổi cương đâu.

– Không sao, bố ạ. Nếu mẹ con thắng ngựa cho con, con sẽ ngồi vào tai nó. Con thét một tiếng là nhất định nó phải đi.

Bố nói :

– Được, để thử xem.

Mẹ thắng ngựa và đặt Tí hon vào tai ngựa. Nó thét "Tắc, tắc !" cho ngựa chạy. Thế là ngựa chạy, như có người đánh xe thật, và xe cứ đúng đường chạy vào rừng.

truongxua.vn

Khi xe rẽ ở một chỗ ngoặt, Tí hon thét : "Tắc !" thì có hai người lạ mặt chạy đến. Một người nói :

– Trời ơi, không thấy người đánh xe mà xe cứ đi, lại nghe thấy tiếng người đánh xe. Quái lạ nhỉ !

Người kia nói :

– Ừ, cũng lạ thật, ta thử đi theo xem xe ở chỗ nào nào.

Xe chạy thẳng một mạch vào rừng rồi dừng lại đúng chỗ có củi đã đẵn. Tí hon thấy bố liền gọi :

– Bố ơi, bố thấy chưa, con đã đưa xe đến đây, bố cho con xuống đi.

Bố chạy đến, tay trái nắm cương ngựa, tay phải nhấc con ra khỏi tai ngựa, rồi đặt con xuống. Tí hon vui vẻ ngồi lên một cọng rơm.

Trông thấy Tí hon, hai người lạ mặt sửng sốt không nói nên lời. Một người kéo bạn ra một chỗ bảo :

– Này, nếu ta đem thằng nhóc này đi làm trò[6] ở tỉnh to thì phát tài[7] đấy. Ta mua nó đi.

Hai người liền đến bảo bác nông dân :

thuongmaitr

– Ông bán cho chúng tôi thằng bé này, chúng tôi sẽ chăm sóc nó cẩn thận.

Người bố đáp :

– Không, nó là khúc ruột cắt đôi của tôi. Bạc vàng trên cả thế gian này đối với tôi cũng không bằng được.

Nghe thấy hai người hỏi mua, Tí hon níu quần áo bố trèo lên vai, nói thầm :

– Bố ơi, bố cứ bán con đi, thế nào rồi con cũng lại về nhà được.

Ông bố liền bán con lấy một món tiền to.

Hai người kia hỏi Tí hon :

– Mày muốn ngồi đâu ?

– Khó gì đâu, cứ để cháu lên vành mũ, cháu sẽ đi đi lại lại trên ấy xem phong cảnh, cháu không ngã đâu mà ngại.

Một người đặt nó lên vành mũ.

Sau khi Tí hon đã chào bố, họ đem nó đi, đi mãi. Đến xâm xẩm tối, Tí hon nói :

– Cho cháu xuống đất một lát với, cháu cần lắm.

Người mang nó trên mũ nói :

– Cứ việc ở trên ấy, không có gì phiền đến bác đâu. Chim thỉnh thoảng vẫn ỉa trên ấy đấy mà !

Nó nói :

– Không mà, cháu cũng biết cư xử thế nào cho phải, ông cho cháu xuống mau mau đi.

Người ấy cất mũ, nhấc Tí hon xuống ruộng gần vệ đường. Nó lẩn ngay vào giữa những cục đất, rúc vào một cái hang chuột. Rồi nó lên tiếng chế hai người kia :

– Thôi chào hai ông, hai ông về với nhau nhé.

Hai người lấy gậy chọc vào hang chuột để bắt nó, nhưng mất công toi vì Tí hon bò vào sâu quá.

luongxua.vn

Trời đã tối hẳn, hai người bực mình đành phải bỏ về tay không.

Khi họ đã đi rồi, Tí hon chui ở hang ra. Nó nghĩ bụng : "Đêm tối mà cứ chuệnh choạng ngoài đồng thì nguy, vỡ đầu gẫy cẳng như chơi". May sao nó vấp phải một cái vỏ ốc sên. Nó chui vào và nói :

– Lạy Chúa ! Đêm nay con có chỗ ngủ yên rồi.

Vừa chợp mắt thì nó nghe thấy có tiếng hai người đi qua. Một người nói :

– Làm thế nào mà ăn trộm được vàng bạc của lão cha xứ[8] giàu sụ nhỉ ?

Tí hon nói xen vào :

– Để tôi bầy mưu cho.

Một tên trộm hốt hoảng nói :

– Cái gì thế ? Tao vừa nghe thấy tiếng người nói.

Chúng đứng lại, lắng tai nghe. Tí hon lại nói :

– Các bác cứ đem tôi đi theo, tôi sẽ giúp cho.

– Nhưng mày ở chỗ nào cơ ?

– Các ông cứ tìm ở dưới đất, chỗ nào có tiếng nói ấy.

Bọn kẻ trộm tìm mãi mới thấy Tí họn. Chúng nhấc nó lên hỏi :

– Mày liệu giúp chúng tao được việc gì hở nhãi ?

– Cháu sẽ luồn qua chấn song cửa sổ nhà cha xứ. Các bác muốn lấy gì cháu chuyền ra cho chứ sao.

– Được. Để xem tài mày ra sao.

Khi kẻ trộm đến nhà cha xứ, Tí hon chui vào buồng, rồi thản nhiên hỏi rõ to :

– Các bác có muốn khoắng[9] sạch buồng này không ?

Bọn kẻ trộm sợ hãi bảo nó :

– Nói khẽ chứ, người ta thức dậy bây giờ !

Nhưng Tí hon tảng lờ như không nghe thấy, lại hỏi to :

– Các bác muốn lấy gì ? Khoắng sạch nhé ?

Bà cụ làm bếp ngủ ở buồng bên cạnh nghe thấy, ngồi nhổm dậy, lắng tai nghe. Bọn kẻ trộm hốt hoảng toan lẩn ra nhưng lại trấn tĩnh[10], cho là Tí hon trêu mình thôi. Chúng quay trở lại khẽ bảo :

– Thôi nào, đừng đùa nữa. Có gì thì chuyển ra đi nào !

Tí hon lại kêu thật to :

– Cháu chuyển tất cả nhé, giơ tay ra mà đón lấy.

Lần này bà già nghe thấy rõ mồn một, bước xuống giường lò mò ra cửa. Kẻ trộm vội chạy bán sống bán chết[11] như có ma đuổi. Bà già không thấy gì, đi thắp nến. Khi bà trở lại, Tí hon đã trốn vào đống cỏ. Bà lục soát mọi chỗ không thấy gì, tưởng là mình mê ngủ, lại lên giường nằm.

Tí hon nằm co tròn trong đống cỏ khô, định ngủ đến sáng mai rồi về nhà. Nhưng định thế này lại hóa ra thế khác. Chà, ở đời thật lắm nỗi gian nan ![12]

thuongmaitr

Trời mới tảng sáng, bà già đã dậy cho súc vật ăn. Trước tiên bà vào kho, lấy một ôm cỏ, đúng ngay chỗ Tí hon ngủ. Tí hon ngủ say quá, nên mãi đến khi đã vào mõm bò rồi mới thức giấc. Nó kêu lên :

– Trời ơi, tôi đã ở trong cối bác nện dạ rồi.

Nhưng sau nó biết ngay là đã vào mõm bò. Nó cố tránh cho khỏi bị nghiến, thì bị nuốt trôi vào dạ dày. Nó nghĩ bụng : "Gian nhà này không có cửa sổ, chẳng thấy mặt trời, đèn đóm gì cả". Ở đây nó thấy khó chịu lắm, khổ nhất là cỏ cứ tuôn mãi vào, chỗ ở ngày càng thêm chật hẹp. Nó sợ quá, kêu to :

– Đừng tuồn cỏ tươi vào nữa ! Đừng tuồn cỏ tươi vào nữa !

Lúc đó, bà già đang vắt sữa bò, không trông thấy người mà lại nghe thấy tiếng nói y như đêm qua. Bà sợ quá, đang ngồi ghế, ngã lăn ra đánh đổ hết sữa.

Bà vội vã đi tìm cha xứ, mách :

– Quái lạ, bò nhà biết nói, cha ạ.

uongxua.vn

Cha xứ hỏi :

– Bà điên à ?

Rồi cha xuống chuồng bò xem thực hư[13] thế nào. Cha mới bước vào, đã nghe tiếng Tí hon kêu to :

– Đừng tuồn cỏ tươi vào nữa, đừng tuồn cỏ tươi vào nữa !

Cha xứ cũng đâm hoảng. Cho là bò bị quỷ ám, cha sai giết bò. Người ta làm thịt bò xong quẳng ra đống phân cái dạ dày có chứa Tí hon.

Nó loay hoay mãi mới thò được đầu ra, lại gặp ngay sự chẳng lành : một con chó sói đói bụng qua đấy, nuốt chửng cả dạ dày lẫn nó. Tí hon vẫn yên trí, nghĩ bụng : "Có lẽ sói này bảo được". Rồi từ trong bụng sói, nó nói to :

– Cậu sói ơi, tôi muốn mách cậu một miếng ăn tuyệt ngon.

Sói hỏi :

– Ở đâu thế ?

Tí hon bảo cho sói biết nhà bố mình ở đâu và nói :

– Cậu cứ chui qua cổng vào bếp thì cậu sẽ tha hồ chén bánh ngọt, mỡ, xúc xích, đủ thứ.

Sói không đợi Tí hon phải nói hai lần. Đêm đến sói vội chui qua cổng vào bếp chén thả cửa[14]. Sói ăn no phình bụng rồi, muốn ra không ra được, vì qua đường cũ không lọt nữa. Tí hon đã tính trước đến nước đó. Thế là ở trong bụng sói, Tí hon kêu la inh ỏi lên. Sói nói :

– Mày có im đi không người ta thức dậy bây giờ.

Tí hon đáp :

– Úi chà, cậu đã chén thích rồi, tôi cũng phải tiêu khiển[15] chứ.

Nói xong nó lại hét ầm lên.

Bố mẹ nó nghe tiếng thức dậy, chạy xuống bếp ngó qua kẽ vách thì thấy sói. Ông chạy đi lấy rìu, bà lấy hái.

Lúc vào, chồng bảo vợ :

– Bà đứng sau tôi, nếu tôi choảng một cái mà nó chưa chết ngay thì bà đâm vào bụng nó nhé.

thuongmaitr

Tí hon nghe thấy tiếng bố, reo lên :

– Bố ơi, con ở trong bụng sói đấy !

Bố mừng quýnh, nói :

– Lạy Chúa ! Đứa con vàng con bạc của tôi đã lại về đây rồi.

Rồi bác bảo vợ vứt hái đi để con khỏi bị thương. Đoạn[16] ông giơ rìu lên, giáng cho sói một nhát chết tươi. Sau bác lấy dao kéo mổ bụng sói, lôi Tí hon ra. Bác nói :

– Ở nhà bố mẹ lo cho con quá, con ạ.

– Thưa bố, con đã đi đây đi đó nhiều, may mà nay con lại được thở không khí trong lành.

– Thế con đã đi những đâu ?

– Bố ạ, con đã ở trong hang chuột, trong dạ dày bò, trong bụng chó sói. Bây giờ con muốn ở nhà với bố mẹ.

Bố mẹ ôm con hôn mà rằng :

– Từ nay dù được bao nhiêu tiền, bố mẹ cũng chẳng bán con nữa đâu.

Rồi bố mẹ cho con ăn uống và may quần áo mới cho nó, vì quần áo cũ đi nhiều đã rách hết.

HỮU NGỌC dịch

(*Truyện cổ Grim*, NXB Văn học, Hà Nội, 1963)

Chú giải

(1) *Hiếm hoi* : không có con.

(2) *Láng giềng* : hàng xóm.

(3) *Thụ thai* : có mang.

(4) *Ước nguyện* : mong muốn thiết tha.

(5) *Người đánh xe* : người cầm cương điều khiển ngựa kéo xe.

(6) *Làm trò* : biểu diễn trước đám đông.

(7) *Phát tài* : kiếm được nhiều tiền.

(8) *Cha xứ* : người cai quản các tín đồ Thiên chúa giáo trong một giáo khu.

uongxua.vn

(9) *Khoắng* : khua bằng tay (hay đũa, thìa...) vào một thứ đồ dùng để đựng (hòm, xiểng, chum, vại, cốc, bát...). Ở đây có nghĩa là vơ vét, lấy cắp cho hết.

(10) *Trấn tĩnh* : lấy lại thái độ bình tĩnh đã mất, bình tĩnh trở lại.

(11) *Bán sống bán chết* : nửa sống nửa chết ; ở đây có nghĩa là chạy ba chân bốn cẳng.

(12) *Gian nan* : khó khăn vất vả.

(13) *Thực hư* : đúng sai.

(14) *Chén thả cửa* : ăn tha hồ.

(15) *Tiêu khiển* : giải trí, khuây khỏa.

(16) *Đoạn* : rồi, sau đó.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Dựa vào lời của Tí hon trả lời bố ở cuối truyện, hãy nêu lên Tí hon đã trải qua mấy chặng phiêu lưu từ lúc chia tay với bố cho tới khi về lại được nhà. Các chặng phiêu lưu ấy bắt đầu từ đâu và kết thúc chỗ nào trong bài văn ?

2. Nguyên nhân nào khiến Tí hon quyết định đi theo hai người lạ mặt ? Đầu óc khôn ngoan của Tí hon bộc lộ ở đây ra sao ? Tình huống gay go nhất xảy ra vào lúc nào của chặng này ?

3. Tại sao Tí hon không quay về nhà ngay mà lại đề nghị được giúp đỡ mấy tên kẻ trộm ? Trong chặng phiêu lưu này, Tí hon tỏ rõ là chú bé khôn ngoan ở chi tiết nào ? Có phải đầu óc khôn ngoan ấy giúp chú thoát khỏi tình huống gay go trong dạ dày bò hay không ?

4. Tí hon có chủ động như hai lần trước khi ở chặng phiêu lưu thứ ba - bắt đầu bằng tình huống gay go - bị chó sói nuốt vào bụng hay không ? Chứng minh rằng đầu óc khôn ngoan của chú lần này bộc lộ rõ ràng nhất.

5. Hãy tìm các chi tiết nói lên trí tưởng tượng kì diệu của dân gian trong truyện này. Truyện muốn nói lên điều gì ?

Bài 2

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

(Truyện cổ dân gian Nga)

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển. Ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.

Một hôm người chồng ra biển đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ thấy có bùn ; lần thứ nhì kéo lưới chỉ thấy cây rong biển(1) ; lần thứ ba kéo lưới thì bắt được một con cá vàng. Con cá cất tiếng kêu van :

– Ông lão ơi ! Ông sinh phúc(2) thả tôi trở lại xuống biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được.

Ông lão ngạc nhiên, nhưng rồi cũng thả con cá xuống biển vừa bảo :

– Trời phù hộ cho ngươi ! Ngươi trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.

Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho vợ nghe. Mụ vợ mắng :

– Đồ ngốc ! Sao lại không bắt con cá đền cái gì ? Đòi một cái máng(3) cho lợn ăn không được à ? Cái máng nhà đã gần vỡ rồi !

thuongmaitr

truongxua.vn

Thế là ông lão đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và bảo :

– Cá ơi ! Giúp tôi với ! Mụ vợ tôi nó mắng tôi và càu nhàu mãi làm tôi không ở yên được. Mụ ấy đòi một cái máng lợn ăn mới. Máng nhà tôi đã sứt mẻ rồi.

Con cá vàng trả lời :

– Ông lão ơi ! Đừng băn khoăn nữa. Cứ về đi. Tôi sẽ giúp ông. Ông sẽ có một cái máng mới.

Ông lão về đến nhà thì mụ vợ đã có một cái máng mới thật. Nhưng mụ lại quát to hơn :

– Đồ ngu ! Đòi một cái máng thật à ? Một cái máng thì thấm vào đâu ? Đi tìm lại con cá và đòi cho một cái nhà rộng.

Thế là ông lão lại đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông lão cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và nói :

– Giúp tôi với, cá ơi ! Mụ vợ tôi nó mắng nhiều hơn và không để tôi yên chút nào. Mụ đòi một tòa nhà đẹp.

Con cá vàng lại trả lời ông lão :

– Ông lão ơi ! Đừng băn khoăn quá. Thôi hãy về đi. Tôi kêu trời phù hộ cho, ông lão sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

Ông lão trở về túp lều của mình, chẳng thấy lều đâu mà chỉ thấy trước mặt một ngôi nhà đẹp, có cổng lớn bằng gỗ lim, trong ngoài sáng sủa, có lò sưởi, quét vôi trắng xóa, và mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ.

Mụ thấy ông lão về lại mắng như tát nước vào mặt :

– Đồ ngu ! Ngốc sao ngốc thế ! Đòi một cái nhà thôi à ? Trời ! Lại tìm con cá ngay và bảo nó rằng tao không muốn

làm một mụ nông dân quèn[4], tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân[5] kia.

Ông lão lại lóc cóc[6] ra biển. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão cần gì thế, ông lão ơi !

Ông lão chào con cá và trả lời :

– Giúp tôi với, cá ơi ! Mụ vợ tôi lại phát khùng lên, nó chẳng để tôi yên chút nào. Bây giờ nó không muốn làm nông dân nữa mà muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng lại trả lời :

– Ông lão ơi ! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ ông lão.

Ông lão lại trở về. Lão ngạc nhiên thấy trước mặt một lâu đài to lớn, mụ vợ đang đứng trên thềm cao, mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiễu hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giầy đỏ. Chung quanh mụ kẻ hầu người hạ tấp nập, còn mụ thì luôn mồm quở mắng. Ông lão bảo mụ vợ :

– Kính chào bà phu nhân, chắc bây giờ bà đã thỏa nguyện rồi chứ ?

Mụ vợ mắng lão một thôi và bắt lão xuống quét dọn chuồng ngựa.

Được ít tuần lễ, mụ lại đâm ra giận dữ, mụ bắt ông lão đi tìm con cá :

– Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng[7] kia.

Ông lão hoảng sợ kêu xin :

– Mụ nói gì vậy ? Mụ có lẫn[8] không ? Mụ đi chẳng biết đường đi, nói chẳng biết đường nói mà đòi làm nữ hoàng ? Thiên hạ họ biết, họ sẽ cười cho.

Mụ vợ nổi trận lôi đình[9] tát vào mặt ông lão :

– Mày cãi à ? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à ? Đi ngay ra biển nếu không tao sẽ cho người lôi đi.

Ông lão đành lủi thủi ra biển. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão gọi con cá. Con cá bơi đến hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông lão cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và nói :

– Mụ vợ nhà tôi lại nổi cơn điên rồi. Nó không muốn làm bà nhất phẩm phu nhân nữa, nó muốn làm nữ hoàng.

Con cá trả lời :

– Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời phù hộ lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng.

Ông lão trở về và thấy trước mặt cung điện nguy nga, mụ vợ lão đã thành nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc. Bọn thị vệ[10] đang rót mời mụ những thứ rượu quý ở các nước phương xa và dâng cho mụ những thứ bánh rất ngon lành. Chung quanh lại có cả một đội vệ binh[11], gươm giáo chỉnh tề[12], đứng hầu. Ông lão trông thấy, hoảng sợ, cúi rạp xuống đất chào mụ vợ và nói :

– Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ ?

thuongmaitr

Mụ vợ không thèm nhìn, ra lệnh đuổi đi. Bọn thị vệ xốc tới túm vai ông lão đẩy ra ngoài ; bọn vệ binh cũng chạy đến tuốt gươm dọa chém. Nhân dân không rõ đầu đuôi, cũng chạy lại chế giễu ông lão và bảo : "Đáng kiếp ! Có thế mới sáng mắt ra, bận sau đừng thấy người sang bắt quàng làm họ [13] nữa !"

Được ít tuần, mụ vợ lại nổi cơn thịnh nộ[14]. Mụ sai đi bắt ông lão đến. Mụ bảo :

– Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương[15] ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu tao và làm theo ý muốn của tao.

Ông lão không dám trái lời mụ. Ông lại đi ra biển. Một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi :

– Ông lão có việc gì thế ? Ông lão cần gì ?

Ông lão chào con cá và nói :

– Cá ơi, giúp tôi với ! Thương tôi với ! Tôi sống làm sao được với mụ vợ quái ác này ! Bây giờ mụ ấy không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông lão sửng sốt, lâu đài cung điện biến đâu mất ; trước mắt, ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa, và trên bậc cửa, mụ vợ đang ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ.

PU-SKIN *kể*
(Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn *dịch*)

Chú giải

(1) *Rong biển* : loại rêu mọc ở biển.

(2) *Sinh phúc* : mở lòng nhân từ.

(3) *Cái máng lợn* : đồ dùng đựng thức ăn của lợn.

(4) *Nông dân quèn* : người dân cày tầm thường.

(5) *Nhất phẩm phu nhân* : vợ của quan nhất phẩm trong triều đình phong kiến trước đây.

truongxua.vn

(6) *Lóc cóc* : đi lủi thủi một mình, có vẻ nặng nề.

(7) *Nữ hoàng* : người đàn bà làm vua.

(8) *Lẫn* : nhầm.

(9) *Nổi trận lôi đình* : cơn giận dữ dội như sấm sét.

(10) *Thị vệ* : người hầu bên cạnh vua.

(11) *Vệ binh* : lính canh gác.

(12) *Chỉnh tề* : xếp đặt ngay ngắn.

(13) *Bắt quàng làm họ* : không thân thích mà cứ nhận là bà con.

(14) *Cơn thịnh nộ* : cơn giận dữ lớn.

(15) *Long Vương* : vua cai trị dưới biển (theo trí tưởng tượng của người xưa).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong truyện, năm lần ông lão ra biển gọi con cá vàng, mỗi lần cảnh biển lại thay đổi. Em có nhận xét gì về những sự thay đổi của cảnh biển ?

2. Lòng tham của nhân vật mụ vợ đã tăng lên như thế nào ? Trong trường hợp này có thể nói đến thành ngữ "được voi đòi tiên" không ?

3. Trong tính nết của mụ vợ, ngoài lòng tham, còn có một nét nữa khá rõ, đó là thói *bội bạc*. Sự bội bạc của mụ vợ đối với chồng đã tăng lên như thế nào ? Đến khi nào thì sự bội bạc của mụ vợ đạt tới tột đỉnh ? (Chú ý thái độ mụ vợ với con cá vàng thể hiện ở ý muốn cuối cùng của mụ).

4. Cuối cùng con cá vàng trừng trị mụ vợ vì tội tham lam hay tội bội bạc ?

Bài 3

CÔ BÉ BÁN DIÊM

TIỂU DẪN

Cô bé bán diêm là một truyện của nhà văn Đan Mạch H.C.An-đec-xen (1805- 1875). Ông nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em, trong đó một phần lớn là ông biên soạn lại truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông sáng tạo ra. Bạn đọc khắp năm châu quen thuộc với các truyện nổi tiếng của ông như *Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Nàng công chúa và hạt đậu.*

thuongmaitr

Rét dữ dội, tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa. Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà, em có đi giầy vải, nhưng giầy vải phỏng có tác dụng gì kia chứ !

Giầy ấy của mẹ em để lại, rộng quá, em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại(1).

Chiếc thứ nhất bị xe song mã(2) nghiến, rồi dính theo tuyết vào bánh xe ; thế là mất hút. Còn chiếc thứ hai, một thằng bé lượm được, cười sằng sặc, đem tung lên trời. Nó còn nói to với em bé rằng nó sẽ giữ chiếc giầy để làm nôi cho con chó sau này !

Thế là em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề[3] cũ kĩ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí[4] cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương bụng đói cật rét[5] vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà ! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu[6] của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản[7] tiêu tán[8], và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân[9] bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

uongxua.vn

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về ; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay đã cứng đờ ra.

Chà ! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường[10] mà hơ ngón tay nhỉ ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà ! Ánh sáng kì dị làm sao ! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò lửa cháy nom[11] đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu ! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa ; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà ! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc[12] thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao !

Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẳn. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu. Em nhìn thấu vào tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phóng sết[13] cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt ; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng mị : chẳng có bàn ăn thịnh soạn[14] nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm[15] với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en[16]. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé. Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

– Chắc hẳn có ai vừa chết, em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng : "Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế".

Em quẹt que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em.

– Bà ơi ! Em bé reo lên, cho cháu đi với ! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này ; trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân[17], bà cháu ta đã từng sung sướng xiết bao ! Dạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi ! cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân, cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh[18] rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại ! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão[19] như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về chầu Thượng đế.

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên tử thi[20] em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau : "Chắc nó muốn sưởi cho ấm !", nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(Theo bản dịch của Nguyễn Văn Hải và Vũ Minh Toàn
trong *Truyện An-đec-xen*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963 – 64)

Chú giải

(1) *Phóng nước đại* : phóng thật nhanh (nói về ngựa, xe ngựa).

(2) *Xe song mã* : xe hai ngựa kéo.

(3) *Tạp dề* : mảnh vải mặc phía trước người khi làm bếp để khỏi dây bẩn quần áo.

(4) *Bố thí :* cho người ăn xin, người nghèo đói vì lòng từ thiện.

(5) *Bụng đói cật rét* : bụng thì đói, thân thể thì rét.

(6) *Hiền hậu* : hiền lành và tốt bụng.

(7) *Gia sản* : tài sản của gia đình.

(8) *Tiêu tán* : hết dần đi.

(9) *Trường xuân* : một loại cây leo.

(10) Một loại diêm quẹt vào tường là cháy.

(11) *Nom* : nhìn, trông.

(12) *Gió bấc* : gió lạnh thổi từ hướng bắc.

(13) *Phóng sết* : cái nĩa, cái phuốc-sét.

(14) *Thịnh soạn* : có nhiều món ăn ngon.

(15) *Lãnh đạm* : lạnh lùng, thờ ơ.

(16) *Cây thông Nô-en* : vật trang trí trong dịp lễ Nô-en và Tết dương lịch ở các nước phương Tây.

(17) *Chí nhân* : hết sức nhân từ.

(18) *Ảo ảnh* : ở đây là hình ảnh không có thật, chỉ có trong mộng tưởng của em bé.

thuongmaitr

(19) *Đẹp lão* : đẹp, nói về người già.

(20) *Tử thi* : xác chết.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy xác định ba phần (chỗ bắt đầu, chỗ kết thúc) của truyện này nếu lấy việc em bé quẹt những que diêm làm phần trọng tâm. Căn cứ vào đâu để có thể chia phần thứ hai (phần trọng tâm) thành những đoạn nhỏ hơn ?

2. Trong phần đầu, nhà văn đã tạo dựng hoàn cảnh (gia đình, cuộc sống) và bối cảnh (thời gian, không gian) của em bé bán diêm như thế nào ? Những hình ảnh tương phản được thể hiện ra sao và nhằm mục đích nghệ thuật gì ?

3. Các mộng tưởng của em bé qua các lần quẹt diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Nô-en, người bà, hai bà cháu bay đi) diễn ra lần lượt có hợp lí không ? Vì sao ? Trong số các mộng tưởng ấy, điều nào gắn với thực tế, điều nào thuần túy chỉ là mộng tưởng ?

4. Hãy phát biểu những cảm nghĩ của mình về phần kết của truyện nói riêng và về truyện *Em bé bán diêm* nói chung.

ĐỌC THÊM

NÀNG CÔNG CHÚA VÀ HẠT ĐẬU

Ngày xưa, có một hoàng tử muốn cưới một nàng công chúa, nhưng công chúa phải cho ra công chúa, phải toàn thiện, toàn mĩ[1]. Hoàng tử bèn chu du[2] khắp thiên hạ[3] để kén vợ. Công chúa thì chẳng thiếu gì, nhưng nàng nào cũng có vài nhược điểm[4] hoặc tật xấu. Thế là, một ngày kia, hoàng tử đành buồn rầu trở về nhà.

Đến tối nổi lên một cơn giông tố kinh khủng. Mưa ào ào như xối. Có tiếng gõ cửa lâu đài. Lão vương[5] thân chinh[6] ra mở cửa.

Bên ngoài là một nàng công chúa, nhưng mưa gió đã làm cho nàng tiều tụy[7] quá thể. Đầu tóc, quần áo nàng võng những nước và còn rỏ giọt từ mũi xuống giầy nàng. Nàng tự giới thiệu là nàng công chúa toàn thiện toàn mĩ mà hoàng tử đang chờ đợi. Hoàng hậu nghĩ thầm : "Được, cứ để xem xem !" Rồi hoàng hậu vào buồng ngủ thấp đèn lên và nhét một hạt đậu xuống dưới đệm giường. Sau đó, ngài đặt hai mươi cái đệm chồng lên trên cái đệm đã đặt trước. Đấy chính là cái giường dành cho công chúa.

truongxua.vn

Sáng ra, người ta hỏi thăm đêm qua nàng ngủ có yên giấc không. Nàng đáp :

– Suốt đêm tôi không chợp mắt, vì nằm phải vật gì răn rắn, thâm tím cả mình mẩy.

Hoàng hậu bèn phán[8] :

– Công chúa ra công chúa thật ! Đây chính là nàng công chúa toàn thiện toàn mĩ, nằm trên hai mươi lần đệm nàng vẫn thấy đau vì một hạt đậu.

Hoàng tử cưới nàng làm vợ và hạt đậu được bầy trong một phòng triển lãm[9], đến giờ vẫn còn xem được, vì chưa có ai lấy đi cả.

Chuyện tôi kể đến đây là hết và tôi xin cam đoan với các bạn là chuyện có thật đấy.

(Theo bản dịch của Nguyễn Văn Hải và Vũ Minh Toàn
trong *Truyện An-đec-xen*, Sđd)

Chú giải

(1) *Toàn thiện toàn mĩ* : ở đây ý nói hoàn hảo.
(2) *Chu du* : đi đây đi đó (những nơi xa xôi).
(3) *Thiên hạ* : ở đây có nghĩa là thế giới.
(4) *Nhược điểm* : điểm yếu, thiếu sót.
(5) *Lão vương* : đức vua già, ở đây là vua cha.
(6) *Thân chinh* : tự mình.
(7) *Tiều tụy* : tàn tạ, sút kém hẳn đi.
(8) *Phán* : nói (dùng cho vua chúa, quan lại).
(9) *Phòng triển lãm* : phòng trưng bày.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hãy tìm ra và phân tích hai hình ảnh đối lập được nhà văn lựa chọn để làm cốt lõi xây dựng truyện này.

2. Chứng minh trí tưởng tượng kì diệu của tác giả, còn vượt xa cả lối ngoa dụ, tức là thủ pháp nghệ thuật dựa trên cơ sở phóng đại, cường điệu.

thuongmaitr

Bài 4
ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

TIỂU DẪN

Bài này trích trong tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê* của nhà văn Tây Ban Nha Xec-van-tex (1547 - 1616).

Một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện kiếm hiệp nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Lão lục tìm những đồ binh giáp đã han gỉ của tổ tiên, phong cho con ngựa còm của mình là chiến mã Rô-xi-nan-tê, còn bản thân lão là nhà hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê xứ Man-tra. Lão nhớ đến một phụ nữ nông dân lão thầm yêu xưa kia và ban cho mụ cái tên là Công nương Đuyn-xi-nê-a. Đôn Ki-hô-tê gầy gò và cao lênh khênh trên lưng con ngựa còm cùng đi với Xan-trô Pan-xa béo lùn cưỡi trên lưng con lừa được lão chọn làm giám mã. Sau nhiều phen thất bại, cuối cùng thất vọng và ốm nặng, Đôn Ki-hô-tê mới nhận ra cái tai hại của những cuốn sách kiếm hiệp. Lão viết di chúc và qua đời.

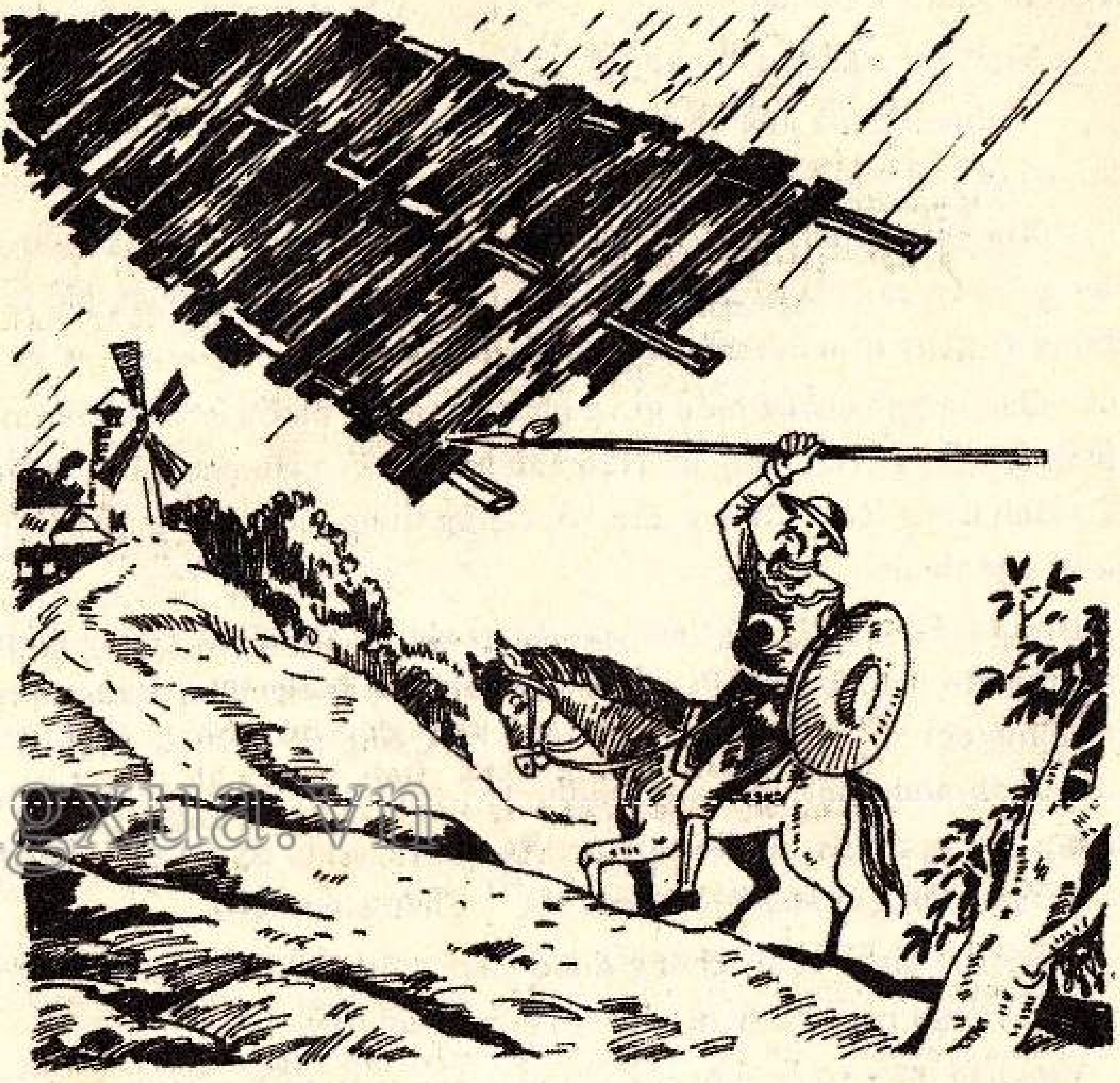

truongxua.vn

Chợt hai thầy trò thấy có ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng, Đôn Ki-hô-tê bèn nói với giám mã[1]:

– Vận may dun dủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn. Này, anh bạn Xan-trô Pan-xa, anh có trông thấy mấy chục tên khổng lồ hung tợn kia không ? Để ta xông ra kết liễu [2] đời chúng ; với những chiến lợi phẩm [3] thu được, chúng ta sẽ trở nên giàu sang phú quý [4]. Đây là một

cuộc chiến đấu chính đáng, quét sạch cái giống xấu xa này khỏi trái đất là phụng sự[5] Chúa đấy.

– Những tên khổng lồ nào cơ ? – Xan-trô Pan-xa hỏi.

– Những tên mà anh nhìn thấy ở trước mặt kia kìa. Cánh tay chúng rất dài, có cái tới gần hai dặm[6].

– Xin ngài coi chừng. Cái mà ngài tưởng là khổng lồ chỉ là những cối xay gió, còn cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió chúng sẽ quay tròn làm chuyển cối đá bên trong.

– Quả là anh chẳng hiểu gì về những chuyện phiêu lưu mạo hiểm. Đó chính là những tên khổng lồ. Nếu anh sợ thì hãy mau mau lánh ra xa mà cầu kinh trong lúc ta đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh gay go và chênh lệch.

Nói rồi, Đôn Ki-hô-tê thúc con Rô-xi-nan-tê xông lên, chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-trô Pan-xa đang hết lời khuyên bảo chàng rằng đó là những cối xay gió chứ không phải là khổng lồ đâu mà đánh. Trong bụng đinh ninh phía trước có những tên khổng lồ, Đôn Ki-hô-tê chẳng những không chú ý đến lời can của Xan-trô, mà khi đã tới gần những cối xay, chàng cũng chẳng buồn quan sát[7]. Chàng thét lớn :

thuongmaitr

– Lũ súc sinh[8] kia, không được chạy trốn ! Có ta là hiệp sĩ[8] một thương[10] một mã[11] đến đọ sức với bọn ngươi đây.

Vừa hay lúc này có một cơn gió nhẹ làm quay những cánh quạt. Thấy vậy, Đôn Ki-hô-tê nói tiếp :

– Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả khổng lồ Bri-a-rê-ô[12], các ngươi cũng sẽ phải đền tội.

Rồi vừa cầu cứu nàng Đuyn-xi-nê-a xin nàng hãy giúp cho trong cơn nguy biến này, Đôn Ki-hô-tê vừa lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất. Đúng lúc chàng đâm mũi giáo vào cánh quạt cối xay, gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gẫy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất. Xan-trô Pan-xa vội thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nằm không cựa quậy sau cái ngã như trời giáng.

– Nhờ Trời cứu giữ ! Tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng việc làm của mình rồi đấy ư ? Rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió thôi ư ? Ai mà chả biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay vậy.

– Thôi im đi, anh bạn Xan-trô. Phải biết rằng cái nghề cung kiếm[13] này hơn các nghề khác ở chỗ luôn luôn biến chuyển. Đúng là lão pháp sư Phơ-re-xtôn[14] trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ này thành những cối xay gió để tước mất của ta phần vinh quang chiến thắng. Hắn thâm thù[15] ta như vậy đó. Nhưng rồi pháp thuật[16] của hắn cũng sẽ bị thanh kiếm lợi hại của ta khuất phục[17] thôi.

– Cầu Trời phù hộ cho ông chủ.

Nói rồi, Xan-trô vực Đôn Ki-hô-tê ngồi lên ngựa ; con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa lưng. Vừa bàn tán về cuộc phiêu lưu mạo hiểm mới xảy ra, hai thầy trò vừa đi về phía cảng La-pi-xê vì theo Đôn Ki-hô-tê con đường này có nhiều người qua lại tất sẽ gặp nhiều chuyện mạo hiểm khác. Chàng hiệp sĩ tỏ ra rất buồn phiền vì mất ngọn giáo. Chàng bảo giám mã :

– Ta nhớ có đọc một cuốn sách nói về một hiệp sĩ Tây Ban Nha tên là Đi-ê-gô Pê-rex đê Va-gax. Bị gẫy gươm trong một cuộc chiến đấu, chàng đã nhổ một thân cây sồi làm vũ khí và đã giết được không biết bao nhiêu quân Mô-rô[18] khiến người ta tặng cho chàng biệt hiệu[19] "hiệp sĩ diệt địch". Về sau, con cháu của chàng cũng mang tên đó. Sở dĩ ta kể câu chuyện ấy vì có ý định nếu gặp một cây sồi, ta cũng sẽ lấy thân cây làm vũ khí như chàng hiệp sĩ Tây Ban Nha kia. Ta sẽ lập những chiến công phi thường, và anh sẽ là người có diễm phúc[20] được mục kích[21] những sự việc khó có thể tưởng tượng nổi.

– Ngài nói sao tôi cũng tin như vậy – Xan-trô nói. Nhưng kìa, ngài ngồi ngay ngắn lên chứ. Chắc là cái ngã khi nãy làm ngài vẹo vọ hẳn đi.

– Đúng thế. Và nếu ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ[22] có bị thương cũng không được rên rỉ, dù sổ cả ruột ra ngoài.

– Nếu vậy, tôi không dám có ý kiến ; nhưng có trời biết được tôi nghĩ gì khi thấy ông chủ rên la. Riêng phần tôi, chỉ cần bị gai đâm là tôi kêu đau ngay, trừ phi người ta cấm cả giám mã của hiệp sĩ giang hồ kêu.

Lời nói chất phác của giám mã làm Đôn Ki-hô-tê không nín được cười ; chàng bảo Xan-trô cứ việc rên la và cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả.

Tới đây Xan-trô nhắc chủ đã đến giờ ăn. Đôn Ki-hô-tê đáp chưa muốn ăn, còn nếu Xan-trô đói thì cứ tự nhiên. Được phép, Xan-trô ngồi lại một cách rất thoải mái trên lưng lừa, lấy thức ăn ở trong cái túi hai ngăn, vừa đi theo chủ vừa ăn một cách khoái trá, thỉnh thoảng nghiêng bầu rượu tu một hơi ngon lành khiến tay chủ quán rượu sành sỏi[23] nhất ở Ma-la-ga cũng phải phát ghen. Vừa đi vừa nhấm rượu, Xan-trô quên cả những lời hứa hẹn của chủ[24] ; bác cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả.

Đêm đến, hai người ngủ dưới gốc cây. Tiện thể, Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở cái cán gẫy lắp vào làm thành ngọn giáo. Chàng thức cả đêm để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a, bắt chước những hiệp sĩ ở trong rừng hoặc những nơi thanh vắng thức hàng bao đêm liên tưởng[25] nhớ tới tình nương[26]. Xan-trô Pan-xa thì không thế. Sau khi đánh chén no say, bác làm một giấc đến sáng, và nếu như chủ không gọi, chắc bác cũng chưa buồn dậy, mặc cho ánh nắng chiếu thẳng vào mặt, mặc những tiếng chim hót líu lo đến mừng một ngày mới. Vừa mở mắt, Xan-trô đã vớ ngay bầu rượu, bác hơi buồn thấy nó nhẹ hơn hôm trước mà xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra rượu để đổ vào cho đầy. Đôn Ki-hô-tê không ăn sáng vì, như ta thường nói, nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.

TRƯƠNG ĐẮC VỊ *dịch*

Chú giải

(1) *Giám mã* : người chăm sóc ngựa.

(2) *Kết liễu* : chấm dứt, làm cho hết (một sự vật mà mình không thích).

thuongmaitr

(3) *Chiến lợi phẩm* : những vật thu được của quân địch sau khi đánh thắng.

(4) *Phú quý* : giàu sang.

(5) *Phụng sự* : phục vụ (với nghĩa hết sức tôn kính).

(6) *Dặm* : đơn vị chiều dài thời xưa khoảng 432m.

(7) *Quan sát* : xem xét cẩn thận để tìm hiểu.

(8) *Súc sinh* : kẻ hèn hạ, bỉ ổi, không đủ tư cách làm người.

(9) *Hiệp sĩ* : một tước hiệu thuộc dòng dõi quý phái.

(10) *Thương* : ngọn giáo dài.

(11) *Mã* : ngựa.

(12) *Bri-a-rê-ô* : người khổng lồ trong thần thoại Hi Lạp, có một trăm cánh tay.

(13) *Nghề cung kiếm* : nghề sử dụng cung kiếm, nghề chinh chiến.

(14) *Pháp sư Phơ-re-xtôn* : pháp sư là thầy phù thủy ; để trừ bệnh điên rồ của Đôn Ki-hô-tê, những người quen và người nhà đã đốt các sách kiếm hiệp của lão và bịa chuyện lão pháp sư Phơ-re-xtôn đánh cắp cả phòng sách (thư phòng).

(15) *Thâm thù* : mối thù sâu sắc.

(16) *Pháp thuật* : phép thần bí, phép phù thủy.

(17) *Khuất phục* : bắt phải cúi đầu chịu thua.

(18) *Mô-rô* : tên một bộ tộc ở Bắc Phi.

uongxua.vn

(19) *Biệt hiệu* : tên đặt ngoài tên gọi thường.

(20) *Diễm phúc* : phúc lớn.

(21) *Mục kích* : trông thấy bằng chính mắt mình, tận mắt nhìn thấy.

(22) *Hiệp sĩ giang hồ* : hiệp sĩ đi lang thang khắp nơi để trừ kẻ gian tà, cứu người lương thiện.

(23) *Sành sỏi* : thành thạo về một mặt nào đấy.

(24) *Lời hứa hẹn của chủ* : Đôn Ki-hô-tê đã hứa sẽ trao cho Xan-trô Pan-xa cai trị một hòn đảo mà lão sẽ chiếm được trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm.

(25) *Liên tưởng* : nghĩ tới những sự việc khác có liên quan đến điều đang suy nghĩ.

(26) *Tình nương* : người tình.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Có thể phân chia bài văn này thành ba phần như thế nào theo trật tự diễn biến trước, trong và sau khi Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió ?

2. Căn cứ vào phần "tiểu dẫn", chỉ ra nhà văn đã cố ý tạo nên sự tương phản giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-trô Pan-xa như thế nào (nguồn gốc, hình dáng, vật cưỡi...).

3. Sự tương phản giữa hai nhân vật đó được thể hiện trong bài văn này ra sao về các phương diện : suy nghĩ của họ khi gặp cối xay gió, hành động và quan niệm của họ chung quanh việc ăn, việc ngủ và trước nỗi nguy nan, đau đớn, cũng như cách nói năng của mỗi người giản dị hay trang trọng... ?

4. Đôn Ki-hô-tê và Xan-trô Pan-xa có những ưu điểm, nhược điểm gì và hai tính cách ấy bổ sung cho nhau ra sao ?

ĐỌC THÊM

CỨU MỘT PHU NHÂN XINH ĐẸP

Hai thầy trò lại tiếp tục lên đường và vào khoảng ba giờ chiều đã trông thấy cảng La-pi-xê.

Bỗng đâu trên đường cái xuất hiện hai tu sĩ dòng thánh Bê-ni-tô, họ cưỡi những con la to như lạc đà, đeo mạng trên mặt và che dù ; phía sau họ lại có một cỗ xe ngựa cùng bốn năm kị sĩ[1] theo hầu và hai người coi lừa đi bộ ; trong xe có một phu nhân đi Xê-vi gặp chồng vì ông này sắp sang châu Mĩ nhận một chức vụ quan trọng. Tuy cả đám người nói trên cùng theo một con đường nhưng hai thầy tu đi riêng. Thoạt trông thấy họ, Đôn Ki-hô-tê nói với giám mã Xan-trô :

– Nếu ta không nhầm thì đây là một chuyện phiêu lưu mạo hiểm li kì chưa từng có. Hai bóng đen lù lù kia đúng là hai tên phù thủy đang bắt cóc một nàng công chúa mang đi. Ta phải hết lòng hết sức giải nguy cho nàng ngay.

– Coi chừng không khéo rồi chuyện này còn lôi thôi rắc rối hơn cả những cối xay gió đấy. Hai bóng đen là hai thầy tu dòng thánh Bê-ni-tô, còn cái xe ngựa kia chở hành khách đó thôi. Xin ngài cẩn thận cho, chớ để ma quỷ làm lú lẫn ruột gan.

– Đã bảo là anh chẳng biết một tí gì về những chuyện phiêu lưu mạo hiểm cả mà. Ta nói không sai đâu, rồi mà xem.

Rồi Đôn Ki-hô-tê tiến ra giữa đường cái, chờ hai thầy tu đi đến gần, đủ nghe thấy lời, chàng mới thét lớn :

– Lũ quỷ quái thô bạo kia, thả ngay những nàng công chúa quyền quý bị giam giữ trong xe ra, nếu không, hãy chuẩn bị

chờ chết. Đó là một sự trừng phạt đích đáng đối với những hành động tội lỗi của các ngươi.

Hai thầy tu lấy làm kinh ngạc trước hình thù và lời lẽ của Đôn Ki-hô-tê ; họ dừng lại và đáp :

– Thưa ngài hiệp sĩ, chúng tôi không phải là quỷ quái thô bạo nào hết mà là hai nhà tu hành dòng thánh Bê-ni-tô. Chúng tôi đi việc riêng, không hề biết trong xe kia có những nàng công chúa nào bị giam giữ cả.

– Đừng hòng khua môi múa mép trước mặt ta – Đôn Ki-hô-tê nói – Lũ súc sinh bất lương kia, ta còn lạ gì bọn mi nữa.

Rồi không chờ họ trả lời, chàng cầm lăm lăm ngọn giáo, thúc con Rô-xi-nan-tê xông thẳng vào một thầy tu. May sao nhà tu hành này kịp thời lăn xuống đất, nếu không, ắt bị ngọn giáo quật ngã, không chết cũng trọng thương[2]. Trước tình hình người bạn đồng hành[3] như vậy, thầy tu thứ hai vội phóng la chạy mất, nhanh hơn cả gió cuốn. Lúc này, Xan-trô Pan-xa đã xuống lừa chạy lại chỗ thầy tu nằm dưới đất và bắt đầu lột quần áo của ông ta. Vừa hay hai người hầu của thầy tu tới nơi, thấy thế bèn hỏi Xan-trô cớ sao lại lột quần áo nhà tu. Xan-trô viện lí do là ông chủ của bác thắng trận nên bác có quyền thu chiến lợi phẩm. Hai anh chàng coi la này không thích đùa và cũng chẳng hiểu chiến lợi phẩm là gì. Thấy Đôn Ki-hô-tê đang mải hỏi chuyện những người ngồi trong xe ngựa, họ bèn xông vào vật Xan-trô xuống đất, đánh cho một trận bò lê bò càng, trụi hết cả râu. Ông thầy tu vừa bị đánh ngã, sợ cuống cuồng, mặt như chàm đổ[4], vội leo lên con la phóng thẳng đến chỗ bạn đồng hành đang đứng chờ ; rồi hai nhà tu hành chẳng buồn xem câu chuyện kết thúc ra sao, vội tiếp tục lên đường, vừa đi vừa làm dấu[5] liên hồi.

Lúc này Đôn Ki-hô-tê đang nói với thiếu phụ[6] ngồi trong xe ngựa :

– Thưa phu nhân, bây giờ phu nhân đã được hoàn toàn tự do vì cánh tay này đã vít cổ tên bất cóc láo xược xuống đất rồi. Và để phu nhân khỏi mất công tìm hiểu tên người đã giải thoát cho mình, xin tự giới thiệu : Đôn Ki-hô-tê xứ Man-tra,

hiệp sĩ giang hồ, kẻ nô lệ của nàng Đuyn-xi-nê-a làng Tô-bô-xô xinh đẹp tuyệt trần. Để trả ơn cho tôi, chỉ xin phu nhân quay xe trở lại Tô-bô-xô tìm gặp nàng Đuyn-xi-nê-a và kể cho nàng nghe về việc tôi đã giải nguy cho phu nhân.

Có một kị sĩ theo hầu xe ngựa, người tỉnh Vi-xcai-a, nghe được hết những lời của Đôn Ki-hô-tê. Thấy chàng không muốn cho xe đi tiếp mà lại yêu cầu quay trở lại làng Tô-bô-xô, anh ta bèn tiến lại nắm ngay ngọn giáo của Đôn Ki-hô-tê và nói bằng một giọng trọ trẹ, không ra tiếng Ca-xti, cũng chẳng phải tiếng Vi-xcai-a :

– Bước đi, anh hiệp sĩ cà mèng này ! Có Chúa biết cho, nếu không để cho xe đi thì ta đập chết bây giờ. Nói thật đấy.

Đôn Ki-hô-tê rất bình tĩnh trả lời :

– Tên khốn kiếp ! Tiếc rằng ngươi không phải là hiệp sĩ, nếu không, chắc rằng sự ngu xuẩn và liều lĩnh của ngươi đã bị trừng phạt rồi.

– Sao ? Mi dám bảo ta không phải hiệp sĩ ư ? Đồ nói láo. Có giỏi bỏ giáo xuống chơi nhau bằng gươm xem mèo nào cắn miu nào[7]. Ta là một nhà quý tộc chính cống ở tỉnh Vi-xcai-a mi muốn nói gì cũng là láo tất.

– Được, rồi sẽ biết tay ta.

Dứt lời, Đôn Ki-hô-tê vứt giáo xuống đất, rút gươm, ôm khiên che ngực, lao thẳng tới anh chàng kị sĩ, quyết chí hạ thủ đối phương. Thấy Đôn Ki-hô-tê xông tới, anh này định nhảy xuống đất – vì con la anh ta đang cưỡi là la thuê, không đáng tin cậy lắm – nhưng không kịp ; anh đành phải ngồi trên lưng con vật, rút gươm, tiện tay vớ luôn cái nệm xe làm khiên che thân. Thế là đôi bên quần nhau, quyết một phen sống mái. Mọi người thấy vậy định can nhưng không được vì tay kị sĩ càn rỡ dọa giết tất, kể cả bà chủ ngồi trong xe, nếu họ không để cho hai người tiếp tục đánh nhau. Bà chủ sợ quá vội bắt bác xà ích[8] đánh xe ra xa một chút, khoanh tay ngồi nhìn cuộc đấu võ ác liệt. Lúc này, anh chàng kị sĩ chém một nhát trúng vai đối thủ ; cũng may Đôn Ki-hô-tê có cái khiên đỡ đòn, nếu

thuongmaitr

không đã bị nhát gươm đó phạt đứt đôi đến tận thắt lưng rồi. Bị miếng đòn hiểm, Đôn Ki-hô-tê kêu to :

– Hỡi nàng Đuyn-xi-nê-a xinh đẹp tuyệt trần, nữ chúa của lòng ta, xin hãy ra tay cứu giúp người hiệp sĩ đang gặp gian nguy vì muốn làm đẹp lòng nàng !

Miệng cầu cứu nàng Đuyn-xi-nê-a, một tay nắm chắc thanh gươm, tay kia ôm khiên che kín người, Đôn Ki-hô-tê nhanh như chớp lao thẳng tới anh chàng kị sĩ, quyết phen này hạ thủ đối phương. Đôn Ki-hô-tê quyết tâm bao nhiêu, anh kị sĩ cũng quyết tâm bấy nhiêu. Anh dùng cái nệm xe che kín thân ; khốn nỗi con la của anh cứ đứng ì một chỗ không nhúc nhích, phần vì mệt, phần vì cũng không quen cái trò này.

Như trên đã nói, Đôn Ki-hô-tê xông tới giơ cao thanh gươm, quyết chém đứt đôi đối phương ; còn anh chàng kị sĩ đứng chờ, một tay cũng giơ gươm lên, một tay ôm chiếc nệm. Mọi người xung quanh đều hoảng hồn chờ xem kết quả những ngón đòn ác liệt của đôi bên. Thiếu phụ trong xe và các cô nàng hầu không ngớt cầu nguyện các vị thánh thần cứu vớt cho kị sĩ của họ và mọi người qua cơn hiểm nghèo.

truongxua.vn

... Hai chiến sĩ dũng cảm cùng vung gươm lên, sát khí đằng đằng, khiến trời rung đất chuyển. Thanh gươm của chàng kị sĩ hăng máu bổ xuống trước với một sức mạnh ghê gớm, tưởng chỉ một nhát đó cũng đủ kết thúc cuộc chiến đấu và cả cuộc đời phiêu lưu giang hồ của chàng hiệp sĩ xứ Man-tra. Nhưng thần may rủi còn muốn cho Đôn Ki-hô-tê làm người để chàng lập sự nghiệp lớn hơn nên đã xoay chiều lưỡi gươm, nhờ đó mà Đôn Ki-hô-tê chỉ bị sống gươm chém vào vai ; cả một bên áo giáp sắt, một phần cái mũ và nửa tai trái của chàng văng xuống đất nom thật thảm hại.

Lạy Chúa ! Ai có thể tả hết nỗi tức giận sôi sục trong tim chàng hiệp sĩ xứ Man-tra khi thấy mình bị đối xử như vậy. Chàng đứng hẳn lên bàn đạp, hai tay siết chặt thanh gươm, bổ một nhát như cả một trái núi lao xuống đầu đối phương. Tuy đã có cái nệm đỡ đòn rất tốt, chàng kị sĩ cũng bị hộc cả máu mồm, máu mũi, máu tai, vội ôm lấy cổ con la cho khỏi ngã, rồi anh ta lả đi, hai chân rời khỏi bàn đạp, hai tay buông thõng.

Trước đòn sấm sét, con la cũng hoảng quá chạy lồng lên, vật luôn chủ xuống đất.

Đôn Ki-hô-tê thản nhiên đứng nhìn, tới khi thấy đối thủ ngã lăn dưới đất, chàng mới nhảy xuống ngựa rảo bước tới gần, gí gươm vào giữa trán, bắt phải đầu hàng, nếu không sẽ chặt đầu. Anh chàng kị sĩ cuống cuồng, cứng cả lưỡi, và chắc anh ta sẽ chết thôi vì Đôn Ki-hô-tê lúc này như điên như dại. May sao mấy người phụ nữ trong xe, từ nãy đến giờ hồi hộp chứng kiến cuộc giao tranh khủng khiếp, chạy vội lại tha thiết van xin chàng hiệp sĩ rủ lòng thương tha tội chết cho kị sĩ của họ. Đôn Ki-hô-tê nghiêm giọng đáp với một vẻ đầy tự hào :

– Thưa quý phu nhân xinh đẹp, tôi rất sung sướng thể theo lời yêu cầu đó với điều kiện là anh chàng hiệp sĩ này phải hứa tới làng Tô-bô-xô trình diện trước nàng Đuyn-xi-nê-a vô song[9] để tùy nàng định đoạt số phận cho.

Mấy người phụ nữ đáng thương chẳng cần biết Đôn Ki-hô-tê đặt điều kiện gì, cũng chẳng hỏi xem Đuyn-xi-nê-a là ai, hứa bừa rằng kị sĩ của họ sẽ thi hành nghiêm chỉnh lệnh của chàng.

– Nếu đã hứa thì tôi tha tội chết cho nó – Đôn Ki-hô-tê nói – trừng trị như vậy cũng đủ rồi.

TRƯƠNG ĐẮC VỊ *dịch*

Chú giải

(1) *Kị sĩ* : người cưỡi ngựa.
(2) *Trọng thương* : bị thương nặng.
(3) *Bạn đồng hành* : bạn cùng đi đường.
(4) *Mặt như chàm đổ* : mặt tái xanh tái xám.
(5) *Làm dấu* : làm dấu thánh giá.
(6) *Thiếu phụ* : người phụ nữ trẻ.
(7) *Mèo nào cắn mỉu nào* : ý nói chưa biết ai hơn ai.
(8) *Xà ích* : người đánh xe ngựa.
(9) *Vô song* : không ai sánh kịp.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hai chiến công của Đôn Ki-hô-tê trong lần phiêu lưu này có phải do tài võ nghệ của lão không ? Vì sao ?

thuongmaitr

2. Nhân vật ở đây có những khía cạnh nào đáng trân trọng, những khía cạnh nào đáng chê trách ? Mặt nào là chính ?

3. Nêu lên những khía cạnh đáng khen và đáng chê ở nhân vật Xan-trô Pan-xa.

Bài 5

ÔNG GIUÔC-ĐANH MUỐN TRỞ THÀNH NHÀ BÁC HỌC

TIỂU DẪN

Trích đoạn này cũng như trích đoạn đọc thêm phía sau trích từ vở hài kịch 5 hồi *Gã tư sản quý tộc* (1670) của nhà văn Pháp Mô-li-e (1622 - 1673). Các tiêu đề là do người biên soạn thêm vào.

Nhân vật trung tâm là lão Giuôc-đanh, tuổi ngoài bốn mươi, con một người buôn dạ giàu có. Tuy dốt nát, quê kệch, nhưng lão muốn học đòi làm quý tộc. Nhiều kẻ lợi dụng tính cách hợm hĩnh đó, săn đón, nịnh hót lão để moi tiền. Lão không tán thành tình yêu của con gái là Luy-xin với chàng Clê-ông chỉ vì chàng chẳng phải là quý tộc. Cuối cùng, nhờ mưu mẹo của anh đầy tớ của mình là Cô-vi-en, Clê-ông cải trang làm hoàng tử Thổ Nhĩ Kì đến hỏi Luy-xin làm vợ và được lão Giuôc-đanh ưng thuận.

ruongxua.vn

ÔNG GIUÔC-ĐANH, THẦY TRIẾT

THẦY TRIẾT, *đang xốc lại cổ áo*[1] – Nào ta vào học đi thôi.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Thầy ạ, thấy họ đấm đánh thầy, thật tôi khổ tâm quá.

THẦY TRIẾT – Không hề gì. Một nhà hiền triết phải biết bình tĩnh đón nhận tất cả mọi sự việc xảy ra ở đời. Để rồi tôi sẽ trả lời chúng bằng một bài thơ châm biếm theo lối Giuy-vê-nan[2] cho chúng nó không còn mặt mũi nào nữa. Ta hãy gác chuyện ấy lại. Ngài muốn học cái gì ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Tất cả những gì mà tôi có thể học được, vì tôi khao khát trở thành một nhà bác học. Hồi tôi còn nhỏ, bố mẹ tôi không cho tôi theo học cẩn thận tất cả các môn, giờ tôi lấy làm ức lắm.

THẦY TRIẾT – Ngài ức là phải. *Nam sine doctrina vita est quasi morti imago*. Ngài nghe hiểu chứ, và chắc là ngài biết tiếng La-tinh ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Biết, nhưng thầy cứ làm như tôi không biết. Thầy cứ giảng cho tôi nghe thử xem.

THẦY TRIẾT – Câu ấy nghĩa là : Không có học thức thì đời sống hầu như là hình ảnh của cái chết.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Cái La-tinh ấy chí lí thật !

THẦY TRIẾT – Ngài hẳn đã biết qua những nguyên lí, những kiến thức nhập môn về khoa học[3].

ÔNG GIUÔC-ĐANH – À, có, tôi biết đọc, biết viết.

THẦY TRIẾT – Thế ngài thích chúng ta bắt đầu môn học gì trước ? Ngài có muốn nghe tôi giảng về môn lô-gic học không ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Cái lô-gic học ấy là cái gì ?

THẦY TRIẾT – Lô-gic học dạy ta ba thao tác của trí tuệ.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ba thao tác của trí tuệ ấy là những cái gì ?

THẦY TRIẾT – Là thao tác thứ nhất, thao tác thứ nhì và thao tác thứ ba. Thao tác thứ nhất là phải biết quan niệm cho tốt bằng những khái niệm phổ biến ; thao tác thứ nhì là phải biết phán đoán cho tốt bằng phạm trù, thao tác thứ ba là phải biết rút ra một hệ quả bằng tam đoạn luận. *Bac-ba-ra, Ce-ren, Đa-ri, Phe-ri-ô, Ba-ra-lip-ton.* v.v...

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Đấy là những tiếng khó tiêu quá. Cái lô-gic học ấy chẳng hợp với tôi đâu. Thầy dạy cho cái gì thu thú hơn kia.

THẦY TRIẾT – Thế ngài có muốn học luân lí học không ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Luân lí học à ?

THẦY TRIẾT – Vâng.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Cái luân lí học ấy nó nói cái gì ?

THẦY TRIẾT – Luân lí học luận về hạnh phúc, dạy cho thiên hạ biết tiết chế[4] dục vọng, và...

thuongmaitr

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ấy, thôi thôi. Tôi có tính nóng như thiện lôi, không có thứ luân lí nào kìm nổi tôi được, tôi muốn được tha hồ nổi giận và giận lúc nào tùy thích.

THẦY TRIẾT – Hay là ngài học môn vật lí học ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Vật lí học tán cái quái gì nhỉ ?

THẦY TRIẾT – Vật lí học là môn học giải thích những nguyên lí của các sự vật tự nhiên, và những thuộc tính của vật chất. Nó nghiên cứu bản chất của nguyên tố, của kim loại, khoáng vật, thạch chất, thực vật và động vật. Nó dạy ta biết những nguyên nhân của tất cả các khí tượng, cầu vồng, ma trơi, sao chổi, chớp, sấm sét, mưa, tuyết, mưa đá, gió, gió lốc.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Lắm tiếng váng óc, lắm canh thập cẩm quá !

THẦY TRIẾT – Thế ngài muốn tôi dạy ngài cái gì ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Thầy dạy tôi chính tả.

THẦY TRIẾT – Vui lòng lắm.

ruongxua.vn

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Sau đó ông dạy tôi sách lịch để biết khi nào có trăng, khi nào không có trăng.

THẦY TRIẾT – Được. Để làm theo thật đúng ý của ngài mà giải quyết vấn đề như một nhà triết học, thì theo như trật tự tự nhiên, trước hết phải có một sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của các chữ cái, về cách phát âm khác nhau giữa tất cả các chữ ấy. Về vấn đề này, tôi xin thưa với ngài rằng các chữ cái gồm có nguyên âm – gọi là nguyên âm vì các chữ ấy diễn đạt các âm, – và phụ âm, – vì những chữ này ghép với nguyên âm thì phát thành tiếng, phụ âm chỉ là những cách biến chế khác nhau của âm. Có năm nguyên âm là A, E, I, O, U[5].

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Những cái ấy tôi hiểu cả.

THẦY TRIẾT – Đọc âm A thì phải há to miệng : A.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – A, A. Ừ nhỉ !

THẦY TRIẾT – Đọc âm E thì phải nhích hàm dưới lên gần hàm trên : A,E.

Ông Giuôc-đanh muốn trở thành nhà bác học

ÔNG GIUÔC-ĐANH – A, E, A, E. Đúng quá đi mất. Trời, thật là tuyệt !

THẦY TRIẾT – Và muốn đọc âm I thì hai hàm răng phải sít hơn nữa, và phải nhếch hai mép về phía mang tai : A, E, I.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – A, E, I, I, I, I, I. Chí lí thật, khoa học muôn năm !

THẦY TRIẾT – Đọc âm O thì phải há hai hàm răng và chúm môi lại cho hai khóe miệng dịch lại gần nhau : O.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – O, O. Không gì chí lí bằng. A, E, I, O, I, O. Thật là thần tình ! I, O, I, O.

THẦY TRIẾT – Mồm há ra như vậy đúng là cái hình tròn giống hệt chữ O.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – O, O, O. Thầy nói đúng. O. Chà ! Thú vị thay là sự hiểu biết được tí chút gì !

THẦY TRIẾT – Đọc âm U, phải để hai hàm răng gần nhau và không cắn khít hẳn, và môi phải bĩu ra, chúm lại, nhưng không cho dính vào nhau : U.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – U, U. Đúng quá đi mất, U.

THẦY TRIẾT – Hai môi ngài trề ra như lúc ngài bĩu môi. Thành thử khi ngài muốn bĩu môi chế giễu ai, ngài chỉ việc nói với anh ta : U.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – U, U. Đúng. Chà ! Sao mà tôi lại không học sớm hơn để hiểu biết tất cả những điều này ?

THẦY TRIẾT – Ngày mai chúng ta sẽ xét đến những chữ cái khác, tức là những phụ âm.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Có những thứ hay ho như những cái vừa rồi chứ ?

uongxua.vn

THẦY TRIẾT – Tất nhiên. Thí dụ muốn đọc phụ âm Đ phải đập đầu lưỡi vào phần trên hàm răng trên : ĐA.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – ĐA, ĐA. Ừ nhỉ ! Thật tuyệt ! Thật tuyệt !

THẦY TRIẾT – Đọc chữ F thì ấn răng trên vào môi dưới : FA.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – FA, FA. Chí phải. Ối cha ôi, mẹ ôi, con oán cha mẹ lắm !

THẦY TRIẾT – Và chữ R thì phải đưa đầu lưỡi lên tận đỉnh hàm ếch, vì vậy khi hơi thoát mạnh qua, thì lưỡi ấn xuống rồi lại trở lại vị trí cũ làm thành một loại tiếng rung rung : R, RA.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – R, R, RA, R, R, R, R, RA. Đúng. Thầy thật là một người tài ! Thế mà tôi đã bỏ phí biết bao nhiêu thời giờ ! R, R, R, R, RA.

THẦY TRIẾT – Để rồi tôi giảng cho ngài đến nơi đến chốn tất cả những sự kì lạ này.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Xin vâng. Tiện đây, bất đắc dĩ tôi phải nói với thầy một điều tâm sự. Số là tôi phải lòng một bà đại quý tộc. Tôi mong thầy giúp tôi viết cái gì gì đó, một lá thư nho nhỏ để tôi thả rơi dưới chân phu nhân.

THẦY TRIẾT – Được lắm.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Viết thế nào cho thật tình tứ vào.

THẦY TRIẾT – Hẳn thế. Ngài muốn làm thơ mà gửi chăng ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Không, không, không thơ đâu.

THẦY TRIẾT – Ngài chỉ muốn viết bằng văn xuôi thôi à ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Không, chẳng thơ mà cũng chẳng văn xuôi gì hết.

THẦY TRIẾT – Thì thế nào cũng phải một trong hai thứ chứ !

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Sao vậy ?

THẦY TRIẾT – Vì lẽ, thưa ngài, ngoài thơ và văn xuôi ra, người ta không còn cách nào khác để biểu thị tư tưởng cả.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Chỉ có văn xuôi hoặc thơ thôi ư ?

thuongmaitr

THẦY TRIẾT – Không có cách khác, thưa ngài. Tất cả cái gì không phải văn xuôi thì là thơ ; và tất cả cái gì không phải thơ thì là văn xuôi.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Thế cái người ta nói hằng ngày, nó là cái gì ?

THẦY TRIẾT – Văn xuôi.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Hừ ! Khi tôi nói : "Ni-côn[6], lấy cho tao đôi giầy vải và đưa cho tao cái mũ đội đêm", đấy là văn xuôi à ?

THẦY TRIẾT – Thưa ngài, vâng.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ờ, thế ra hơn bốn mươi năm nay, tôi nói văn xuôi mà tôi chẳng biết gì cả. Thầy vẽ cho tôi biết điều ấy, tôi cảm tạ vô cùng. Ấy, tôi muốn viết cho nàng một lá thư như sau : "Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của phu nhân làm tôi chết mệt vì tình", nhưng tôi muốn đặt câu ấy thế nào cho thật tình tứ, xoay thế nào cho thật có duyên kia.

THẦY TRIẾT – Ngài viết là những tia lửa của đôi mắt nàng thiêu trái tim ngài thành tro bụi, và ngày đêm vì nàng mà ngài phải chịu đựng những sự giày vò của một...

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Không, không, không, tôi không muốn viết thế. Tôi chỉ muốn viết cái tôi đã nói với thầy : "Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của phu nhân làm tôi chết mệt vì tình".

THẦY TRIẾT – Cần phải phát triển thêm chút ít chứ ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Tôi đã bảo không là không. Tôi chỉ muốn viết những lời ấy thôi, nhưng xếp đặt thế nào cho đúng thể thức, xếp đặt thế nào cho khéo. Ông nói cho tôi nghe thử xem, cái câu ấy có thể xếp đặt các cách khác nhau như thế nào.

THẦY TRIẾT – Một là có thể đặt như ngài vừa nói : "Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của phu nhân làm tôi chết mệt vì tình". Hoặc : "Vì tình làm tôi chết mệt, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của phu nhân". Hoặc : "Đôi mắt đẹp của phu nhân vì tình làm tôi, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, chết mệt". Hoặc : "Chết mệt đôi mắt đẹp của phu nhân, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, vì tình làm tôi". Hoặc : "Làm tôi đôi mắt đẹp của phu nhân chết mệt, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, vì tình".

uongxua.vn

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Thế trong tất cả các lối đặt ấy, lối nào hay hơn cả ?

THẦY TRIẾT – Chính là cái lối đặt của ngài : "Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của phu nhân làm tôi chết mệt vì tình".

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ấy là tôi chẳng học hành gì cả đấy. Ngay lần đầu mà đã thế đấy ! Tôi cám ơn thầy vô cùng, đến mai mời thầy lại sớm sớm cho.

THẦY TRIẾT – Tôi không dám sai hẹn (*Vào*)...

Hồi II, Lớp 4

(Dựa theo bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIỂU

Tuyển tập kịch Mô-li-e, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1964)

Chú giải

(1) *Xốc lại cổ áo* : cảnh này xảy ra sau vụ ẩu đả giữa thầy triết với các thầy nhạc, thầy khiêu vũ, thầy võ.

(2) *Giuy-vê-nan* (42 - 120) : nhà thơ châm biếm của La Mã cổ đại.

(3) *Kiến thức nhập môn* : kiến thức cơ sở, kiến thức mở đầu.

(4) *Tiết chế* : hạn chế, kiềm chế.

(5) *A, E, I, O, U* : cách phát âm các nguyên âm này theo tiếng Pháp A = A, E = Ơ, I = I, O = Ô, U = Uy.

(6) *Ni-côn* : người hầu gái của Giuôc-đanh.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Diễn biến hành động của trích đoạn kịch gồm 81 *lời thoại* giữa ông Giuôc-đanh và Thầy triết này có thể chia làm ba giai đoạn theo thứ tự 30, 25, 26 *lời thoại*. Hãy tóm tắt nội dung và đặt tiêu đề cho từng giai đoạn.

2. Khán giả cười gì ở lão Giuôc-đanh qua sự đối lập thể hiện ở các lời thoại 4, 5, 6 và 4, 9, 10, 27, 28 trong giai đoạn thứ nhất ?

3. Hãy hình dung lão Giuôc-đanh trên sân khấu để tìm xem cái cười bật lên ở giai đoạn thứ hai chủ yếu ở khía cạnh nào.

4. Đọc kĩ đoạn đối thoại 56 - 72 để xét xem trong giai đoạn thứ ba lão Giuôc-đanh nực cười ở những khía cạnh nào.

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

ÔNG GIUÔC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC[(1)]

Thợ may, thợ phụ *mang bộ lễ phục,*
ông Giuôc-đanh, gia nhân

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Bác đã tới đấy à ? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây !

PHÓ MAY – Tôi không thể đến sớm hơn được. Tôi đã phải dành hai mươi thợ phụ mới may xong bộ lễ phục của ngài.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Đôi bít tất bác gửi đến cho tôi chật quá, xỏ mãi mới lọt, đứt mất hai mắt rồi.

PHÓ MAY – Rồi nó giãn ra thì sẽ lại thừa rộng đi chứ !

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Phải, nếu cứ đứt mất mãi thì sẽ rộng thật. Đôi giầy bác bảo đóng cho tôi đi cũng đau chân ghê gớm.

PHÓ MAY – Thưa ngài, không đau tí nào đâu ạ.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Sao lại không đau tí nào ?

PHÓ MAY – Thưa không, đau sao được !

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Tôi, tôi bảo đau mà !

PHÓ MAY – Đó là ngài tưởng thế thôi.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Tôi tưởng thế vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ !

PHÓ MAY – Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mất nhất. Sáng chế ra một bộ lễ phục trang nghiêm mà không dùng hàng màu đẹn mới là tuyệt tác. Tôi dám chấp mười mươi các thợ giỏi nhất đấy.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Cái gì thế này ? Bác may hoa ngược mất rồi !

PHÓ MAY – Nào ngài có bảo rằng ngài muốn may hoa xuôi đâu !

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư ?

truongxua.vn

PHÓ MAY – Phải bảo chứ. Vì những người cao quý đều mặc như thế cả.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Những người cao quý mặc áo ngược hoa à ?

PHÓ MAY – Thưa ngài, vâng.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ồ ! thế thì bộ áo này may được đấy.

PHÓ MAY – Nếu ngài muốn thì tôi xin may hoa lộn lên.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Không, không.

PHÓ MAY – Xin ngài cứ truyền, tôi xin làm ngay.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Tôi đã bảo không mà. Bác may thế được rồi đấy ! Theo ý bác thì áo tôi mặc có coi được không ?

PHÓ MAY – Còn phải hỏi gì nữa ! Tôi đố họa sĩ nào vẽ hầu ngài được một bộ áo khớp hơn áo này. Ở nhà tôi có một chú thợ phụ thiên tài đệ nhất thiên hạ về khoa may quần cộc và một chú khác là anh hùng của thời đại về môn may áo chẽn.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Bộ tóc giả và lông đính mũ[2] có chững chạc không ?

PHÓ MAY – Chững chạc tuốt !

ÔNG GIUÔC-ĐANH – *Nhìn áo của bác phó may* – Ô kìa, bác phó ! Vải này là vải tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhìn không sai đâu.

PHÓ MAY – Chả là vải đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Đành là đẹp, nhưng đừng gạn vào áo tôi mới phải.

PHÓ MAY – Mời ngài mặc áo chứ ạ ?

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ừ, đưa đây tôi.

PHÓ MAY – Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc theo đúng nghi lễ, tôi có đem người đến để mặc áo hầu ngài theo đúng nhịp đàn. Các chú vào đây. Các chú mặc áo hầu ngài theo lối mặc cho nhà quý phái, nghe !

Bốn người thợ phụ bước vào, hai người lột quần cộc của ông Giuôc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi, hai người thì lột áo ngắn, rồi mặc áo mới vào. Ông Giuôc-đanh mặc áo xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, chỉ vào áo hỏi xem có đẹp không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói đều theo nhịp đàn.

thuongmaitr

THỢ PHỤ – Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em ít nhiều tiền uống rượu.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Anh gọi ta là gì ?

THỢ PHỤ – Bẩm, ông lớn ạ.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Ông lớn ư ? Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy, còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả(3) thì đời nào được gọi là "ông lớn". Đây, ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này !

THỢ PHỤ – Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn ! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. Cụ lớn không phải là một tiếng tầm thường. Cụ lớn thưởng cho chú đây này.

THỢ PHỤ – Dám bẩm Đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc mừng cho Đức ông trường thọ(4).

ÔNG GIUÔC-ĐANH – Lại "Đức ông" nữa ! hà hà ! hà hà ! Chú hãy đợi tí, đừng về vội. Ta là Đức ông kia mà ! (*Nói một mình*). Thực tình nếu có tôn ta lên bậc điện hạ(5) thì nó sẽ được cả túi tiền. Đây nữa này, thưởng cho chú về tiếng "Đức ông" đây nhé.

THỢ PHỤ – Dạ, dám thưa Đức ông, chúng tôi xin bái tạ ơn Người.

ÔNG GIUÔC-ĐANH – *Nói một mình* – Thế là phải. Nếu nó cứ tăng lên mãi, ta sẽ mất tong sạch cả tiền.

Bốn người thợ phụ vui mừng nhảy múa.

Hồi II, Lớp 5
(Dựa theo bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIỂU
(*Tuyển tập kịch Mô-li-e*, Tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1964)

Chú giải

(1) *Lễ phục* : bộ quần áo may theo kiểu quy định để mặc trong các buổi lễ đặc biệt ; nói chung, bộ quần áo mặc trong các dịp trang trọng.

tuongxua.vn

(2) *Bộ tóc giả và lông đính mũ* : các thứ trang sức của tầng lớp quý tộc Pháp thế kỉ XVII.

(3) *Trưởng giả* : ở đây là tầng lớp dân thành thị phong lưu.

(4) *Trường thọ* : sống lâu.

(5) *Điện hạ* : tiếng tôn xưng các vua chúa.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Lớp kịch này gồm hai cảnh trước và sau khi bốn thợ phụ bước ra sân khấu. Nêu lên sự khác nhau giữa hai cảnh ấy về các mặt số lượng nhân vật, sự chuyển dịch đối thoại (đối thoại giữa các nhân vật nào, động tác và âm thanh).

2. Tính cách nực cười của lão Giuôc-đanh bộc lộ khác nhau ở từng cảnh như thế nào ?

MỤC LỤC

Trang

Phần một
VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Bài 1. Truyện cười 3
- Mất rồi ! (Cháy !) *(1 tiết)* 3
- Treo biển *(1 tiết)* 5
- Lợn cưới, áo mới *(1 tiết)* 6
- Thà chết còn hơn *(1 tiết)* 7

Bài 2. Tục ngữ
- Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất *(1 tiết)* 9
- Tục ngữ về con người và gia đình, xã hội *(2 tiết)* 11

Bài 3. Vè
- Vè con dao *(2 tiết)* 15
- Vè rau *(1 tiết)* 18

Đọc thêm
- Đổi giầy (Truyện cười) 20
- Trả lời vắn tắt (Truyện cười) 21
- Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất 23
- Tục ngữ về con người và gia đình, xã hội 25
- Bước sang tháng sáu giá chân (Vè nói ngược) 27
- Cơ khổ cho đứa giữ trâu (Vè đi ở) 28

Bài 4. Ôn tập Truyện cười - Tục ngữ - Vè *(1 tiết)* 31

Phần hai
VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1. Chuyện cổ tích về loài người - Xuân Quỳnh *(1 tiết)* 33
Bài 2. Tre Việt Nam - Nguyễn Duy *(1 tiết)* 37
Bài 3. Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng
(Giới thiệu sơ lược về tác giả và tác phẩm) *(1 tiết)* 39
- Bóp nát quả cam *(1 tiết)* 40
- Luyện tập *(1 tiết)* 46
- Lên đường *(1 tiết)* 50

Bài 4. Ôn tập Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám - 1945 *(1 tiết)* 52

Phần ba
VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Chú bé Tí hon *(2 tiết)* 54
Bài 2. Ông lão đánh cá và con cá vàng *(2 tiết)* 62
Bài 3. Cô bé bán diêm *(2 tiết)* 68

Đọc thêm
Nàng công chúa và hạt đậu 73

Bài 4. Đánh nhau với cối xay gió *(2 tiết)* 74

Đọc thêm
Cứu một phu nhân xinh đẹp 80

Bài 5. Ông Giuốc-đanh muốn trở thành nhà bác học *(2 tiết)* 85

Đọc thêm
Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục 92

SS80126

ruongxua.vn

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

1	Tiếng Việt 7/1	*Tái bản*
2	Tiếng Việt 7/2	*Tái bản*
3	Văn học 7/1	*Tái bản*
4	Văn học 7/2	*Tái bản*
5	Tập làm văn 7	*Tái bản*
6	Dàn bài tập làm văn 7	*Tái bản*
7	Lịch sử 7	*Tái bản*
8	Địa lí 7/1	*Tái bản*
9	Địa lí 7/2	*Tái bản*
10	Tài liệu Giáo dục công dân 7	*Tái bản*
11	Đại số 7	*Tái bản*
12	Hình học 7	*Tái bản*
13	Sinh học 7	*Tái bản*
14	Vật lí 7	*Tái bản*
15	Kĩ thuật 7 (TT - LN)	*Tái bản*
16	Kĩ thuật 7 (VKT - GCVL)	*Tái bản*
17	English 7	*Tái bản*
18	Bài tập Đại số 7	*Tái bản*
19	Bài tập Hình học 7	*Tái bản*
20	Bài tập Vật lí 7	*Tái bản*
21	Tiếng Pháp 7	*Tái bản*
22	Bài tập Tiếng Việt 7/1	*Tái bản*
23	Bài tập Tiếng Việt 7/2	*Tái bản*
24	Bài tập English 7	*Tái bản*
25	Mĩ thuật 7	*Tái bản*
26	Âm nhạc 7	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 7 - Tập một

In 20.000 bản (QĐ.2GK); khổ 14,3 x 20,3 cm.
Tại Xí nghiệp In Hải Dương; Số in: 48; Số XB: 831/101 - 99
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2000

Mãsố: 2H726T0

Giá: 2.600 đ